



# CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở: Số 1 Phạm Văn Bạch - Quận Cầu Giấy  
Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (84-4) 3734 2299 - Fax: (84-4) 3734 2929  
Website: www.pvi.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81..../PVI-VPHĐQT  
V/v: Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (UBCKNN)  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Công ty cổ phần PVI (PVI) xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành, PVI xin thông báo tới Quý cơ quan như sau:

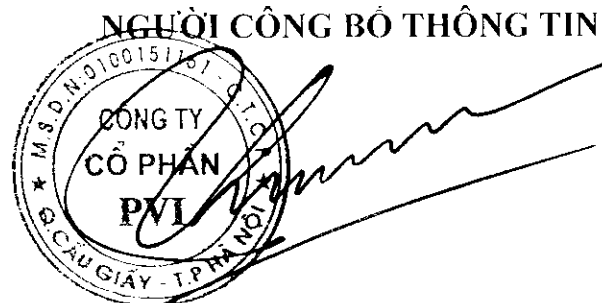
- Tên công ty** : Công ty cổ phần PVI (PVI)
- Mã chứng khoán** : PVI
- Địa chỉ trụ sở chính:** Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại** : (84 - 24) 37 34 22 99; Fax: (84 - 24) 37 34 29 29
- Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Bùi Văn Thuận – Tổng Giám đốc
- Nội dung của thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2018 của PVI
- Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:** [www.pvi.com.vn](http://www.pvi.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

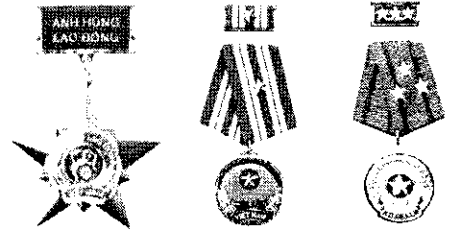
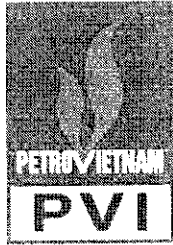
Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT HĐQT (để b/cáo);
- Lưu VT, VPHĐQT, 3.



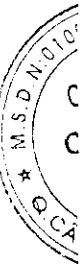
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Văn Thuận*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Hà Nội, tháng 2 năm 2019



## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>3</b>
1. Thông tin khái quát	3
2. Lịch sử hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018</b>	<b>9</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính	9
2. Tình hình hoạt động của các công ty con	11
3. Quan hệ cổ đông	17
4. Tổ chức và nhân sự	19
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	21
<b>III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>23</b>
1. Hội đồng quản trị	23
2. Ban kiểm soát	25
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	<b>27</b>

# I - THÔNG TIN CHUNG

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần PVI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100151161
- Vốn điều lệ: 2.342 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 7.034 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tòa nhà PVI, Lô VP2, phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 37342299
- Số fax: (84-24) 37342929
- Website: [www.pvi.com.vn](http://www.pvi.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PVI

## 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập năm 1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) phát triển từ một công ty bảo hiểm thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - PVN) trở thành nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như Năng lượng (chiếm thị phần tuyệt đối), Hàng hải, Tài sản – Kỹ thuật....

*Trong 5 năm đầu thành lập*, PVI đã duy trì và củng cố hoạt động của mình với tổng doanh thu đạt 516 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 48 tỷ đồng và 30 tỷ đồng lợi nhuận, đây là giai đoạn Công ty tập trung gây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ nhân viên của mình.

*Năm 2001*, thị trường bảo hiểm có nhiều biến động lớn, hàng loạt các biến động lớn do thiên tai, khủng bố, khủng hoảng kinh tế khu vực... Với bản lĩnh và chiến lược kinh doanh hợp lý, PVI đã khẳng định được vị thế của mình: doanh thu đạt 187 tỷ đồng tăng 167% so với năm 2000, các nhà bảo hiểm và môi giới Quốc tế nhìn nhận vai trò chủ đạo của PVI trên thị trường bảo hiểm năng lượng Việt Nam. Năm 2002, PVI đã tận dụng lợi thế thương hiệu và năng lực tài chính của mình để vươn lên thống lĩnh thị trường ở lĩnh vực bảo hiểm hàng hải và xây dựng lắp đặt.

*Từ năm 2005*, PVI đã có những bước trưởng thành quan trọng về cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các dự án dầu khí lớn tại nước ngoài và tăng cường nhận tái bảo hiểm từ

Triều Tiên, Trung Quốc... Từ đó PVI thành lập các chi nhánh khu vực và phát triển mạng lưới đại lý chuyên nghiệp trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

*Năm 2006*, PVI đã đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển bằng sự kiện đạt doanh thu 1.000 tỷ vào ngày 26/9/2006 cùng với việc vốn và tài sản được nâng lên đáng kể. Đây là năm quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu Bảo hiểm Dầu khí PVI và là năm thứ 6 liên tiếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch do Tập đoàn giao với tổng doanh thu đạt 1.304 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 105 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 60 tỷ đồng... Tháng 9/2006, Bộ Công nghiệp và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã có Quyết định cổ phần hóa PVI với mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng PVI trở thành một Tổng công ty cổ phần mạnh trong định chế Bảo hiểm - Tài chính của Tập đoàn. Ngày 12/4/2007 Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã chính thức ra mắt.

*Năm 2007* là năm đầu tiên PVI chuyển đổi hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình Tổng công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp. PVI đã thể hiện bản lĩnh vững vàng thể hiện qua việc thích ứng nhanh chóng với cơ chế quản lý mới, doanh thu đạt 1.997 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 250 tỷ đồng.

*Năm 2008*, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới, tuy nhiên bằng nhiệt huyết và sự sáng tạo, PVI đã vượt qua khó khăn với mức doanh thu đạt 2.694 tỷ đồng.

*Năm 2009*, PVI đã chinh phục cột mốc 3.000 tỷ đồng vào giữa tháng 11. Kết thúc năm 2009, PVI đạt được mức doanh thu ấn tượng là 3.566 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 220 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước 240 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu là 30,5% so với năm 2008, hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao là 118,6%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cũng đạt tận 37,1%, đồng thời là doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường bảo hiểm Việt Nam.

*Năm 2010*, khi cơn bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu dần qua đi, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi nhanh chóng khi GDP đạt mức (6,78%) cao hơn so với kế hoạch (6,5%), nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm đã đạt được những kết quả tích cực. Đây cũng là thời điểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu 17.072 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2009.

*Năm 2011* ghi một dấu mốc đặc biệt trong lịch sử phát triển của PVI: Đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay, tái cấu trúc thành công hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động... Lần đầu tiên, PVI đạt doanh thu trên 5.200 tỷ đồng, tăng trưởng trên 15% so với năm 2010. Năm 2011, PVI nộp ngân sách nhà nước trên 440 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước. PVI tiếp tục là nhà bảo hiểm công nghiệp hàng đầu tại thị trường bảo hiểm Việt Nam và duy trì tốc độ phát triển cao nhất, vượt xa các công ty bảo hiểm khác trên thị trường.

*Năm 2012.* Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ được thành lập. Như vậy PVI là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam có các đơn vị thành viên hoạt động trên cả 3 lĩnh vực bảo hiểm: phi nhân thọ, nhân thọ và tái bảo hiểm. Cũng trong năm 2012, PVI tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).

*Năm 2013.* Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. PVI Re có vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó 68.86% vốn thuộc về PVI. PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc lập Hạng Ba.

*Năm 2014,* lần đầu tiên Bảo hiểm PVI giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life cũng giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về Hưu trí tự nguyện trong năm 2014 kể từ khi ra mắt sản phẩm này vào tháng 4/2014. Các kết quả trên cùng sự kiện khánh thành Tòa nhà PVI đánh dấu những bước phát triển mới của PVI, khẳng định tầm vóc của một Định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

*Năm 2015,* PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao và đạt được nhiều kết quả ấn tượng: Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế, thực sự đóng vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí giữ vị trí số 1 trên thị trường và đã vượt xa vị trí số 2. Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) kinh doanh hiệu quả, thực sự khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường tái bảo hiểm. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM) thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư cho toàn hệ thống.

*Năm 2016,* PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả phần lớn lợi nhuận là từ hoạt động đầu tư hiệu quả. Đây là năm điểm sáng trong hoạt động đầu tư tài chính của PVI Holdings với mức lợi nhuận hơn 200% so với kế hoạch. Không chỉ tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh bảo hiểm -- tái bảo hiểm, PVI tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư một cách hiệu quả, xây dựng chiến lược chuỗi giá trị tạo giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Với sự ra đời của Công ty cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD), PVI đã trở thành một định chế tài chính -- bảo hiểm hoàn chỉnh với các trụ cột chính, bao gồm: bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư và phát triển tài sản.

*Năm 2017* tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, giữ vững vị trí số 1 thị trường trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ về bảo hiểm công nghiệp và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ; phát triển đúng định hướng, hoàn thành vượt

mức các chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu xếp hiệu quả các chương trình Tái bảo hiểm cho thị trường Bảo hiểm Việt Nam: Hoạt động đầu tư đã dần trở thành nguồn lợi chính cho hệ thống PVI, góp phần gia tăng giá trị cho khối tài sản PVI.

Năm 2018, PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao: tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 dự kiến tiếp tục ở mức cao. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) tiếp tục giữ vững và duy trì vị trí số 1 thị trường về bảo hiểm công nghiệp và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm, đẩy mạnh thành công hệ thống bán lẻ, mở rộng các dịch vụ ngoài lĩnh vực dầu khí đồng thời thực hiện các biện pháp tăng cường kiểm soát rủi ro. Hoạt động Tái bảo hiểm tiếp tục phát triển đúng định hướng, nhận Tái bảo hiểm từ nguồn trong nước tăng trưởng khả quan và ngày càng đóng góp nhiều hơn vào quy mô và hiệu quả của hoạt động nhận Tái bảo hiểm nói chung. Bên cạnh đó, PVI cũng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư một cách hiệu quả, trở thành nguồn lợi nhuận chính cho toàn hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh chung và gia tăng giá trị cho khối tài sản của PVI. Thành công của Quỹ PIF trong năm 2018 đã đóng góp một phần quan trọng vào Kết quả kinh doanh hợp nhất. Hoạt động đầu tư tiền gửi cũng có sự dịch chuyển theo đúng định hướng, góp phần tiếp tục gia tăng hiệu quả quản lý dòng tiền.

Năm 2018 cũng là năm PVI tiếp tục chú trọng xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, tăng cường kiểm tra tuân thủ, quản trị rủi ro trong hệ thống cũng như tiếp tục hoàn thiện và triển khai Chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực toàn PVI giai đoạn 2016-2020. PVI luôn chủ động và chuẩn bị triển khai thực hiện tái cơ cấu PVI theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn và Chính phủ, đồng thời tiếp tục phát huy vai trò của Đảng bộ trong việc phối hợp với Hội đồng quản trị/ Ban điều hành trong việc định hướng, chỉ đạo sát sao hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống. Chú trọng và đẩy mạnh vai trò, hoạt động của các tổ chức Công đoàn và luôn tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội. Thương hiệu PVI tiếp tục được ghi nhận và đánh giá cao: Năm 2018 là năm thứ 3 liên tiếp, PVI được Forbes Việt Nam bình chọn là một trong 40 thương hiệu Công ty có giá trị nhất Việt Nam. Năm 2018, thương hiệu PVI được Forbes Việt Nam xác định có giá trị 32.7 triệu đô la Mỹ.

### **3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

– Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các công ty con:

- Hoạt động nắm giữ tài sản
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Hoạt động dịch vụ Tài chính
- Kinh doanh bất động sản

– Địa bàn kinh doanh: Hoạt động trên toàn quốc và các thị trường quốc tế

#### 4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức: Phụ lục 01 đính kèm theo đây.

4.2. Thông tin cơ bản về các công ty con

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVI Holdings (31/12/2018)
1	<b>Tổng công ty Bảo hiểm PVI</b>	Tầng 24 Tòa nhà PVI, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	2.600 tỷ đồng	100%
2	<b>Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI</b>	Tầng 25 Tòa nhà PVI, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Tái bảo hiểm	728 tỷ đồng	68.86%
3	<b>Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI</b>	Tầng 25 Tòa nhà PVI, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư và danh mục chứng khoán; Tư vấn đầu tư	50 tỷ đồng	35%

#### 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

##### ❖ **Tầm nhìn chiến lược:**

Xây dựng và phát triển PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm vững mạnh chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam, có thương hiệu quốc tế uy tín, chất lượng dịch vụ hàng đầu và duy trì sự phát triển bền vững.

##### ❖ **Chiến lược phát triển trung hạn:**

- Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm mạnh, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, tối ưu hóa việc sử dụng mọi nguồn lực sẵn có, xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- Hoàn thành tái cơ cấu để PVI tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.



- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế cho toàn bộ hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

#### ❖ **Mục tiêu 2019:**

- Tiếp tục làm tốt vai trò là nhà quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí.
- Giữ vững vai trò là nhà Bảo hiểm số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc giữ vững vị trí số 1 thị trường về hiệu quả nghiệp vụ và tiếp tục dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.
- Tối đa hóa lợi nhuận qua hoạt động thu xếp tái bảo hiểm.
- Đầu tư, quản lý quỹ cẩn trọng, đảm bảo hiệu quả và nâng cao giá trị cho toàn hệ thống và các khách hàng.
- Tập trung tái cơ cấu để phát triển hiệu quả hệ thống theo đúng định hướng chiến lược.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ hệ thống, quản trị rủi ro.

## 6. CÁC RỦI RO

- Nền kinh tế vĩ mô: Tăng trưởng GDP cả năm 2018 đạt 7,08%, đạt mức cao nhất từ năm 2008. Tuy nhiên, nền kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn nhiều biến động và khó khăn, nợ công cao làm hạn chế việc thực hiện nhiều dự án lớn, giải ngân các dự án đầu tư công chậm chạp....
- Ảnh hưởng hệ lụy từ giá dầu: Giá dầu bình quân trong năm 2018 ở mức 71 USD/1 thùng và diễn biến tăng giảm khó lường. Những ảnh hưởng kéo dài từ giá dầu thấp trong hơn 5 năm qua đã tiếp tục tạo ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động của lĩnh vực dầu khí nói chung và làm suy giảm trực tiếp đến doanh thu bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.
- Lãi suất huy động: năm 2018, lãi suất luôn giữ ở mức ổn định, nhưng vẫn ở mức thấp 6.5%-7%, ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư của hệ thống PVI.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một năm đầy biến động với những diễn biến trái ngược: Đạt đỉnh ngày 09/04/2018 ở mức 1.204,33 điểm và chạm đáy ngày 30/10/2018 ở mức 888.69 điểm. Biến động khó lường của thị trường trước những ảnh hưởng từ tình hình kinh tế - chính trị thế giới đã tác động đáng kể đến hoạt động đầu tư của PVI trong năm 2018.
- Thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam: Năm 2018, thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng ở mức thấp trên 10%, trong khi vấn đề trực lợi bảo hiểm và

cạnh tranh không lành mạnh vẫn đang có xu hướng tăng cao, kéo theo tỷ lệ tổn thất tăng lên, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp Bảo hiểm và áp lực cạnh tranh.

- Sự biến đổi khí hậu kéo theo gia tăng tổn thất trên thị trường bảo hiểm trong và ngoài nước. Điều này đã gây áp lực lớn cho Tái bảo hiểm PVI khi cần nâng cao hiệu quả thu xếp tái bảo hiểm cho toàn bộ hệ thống.

## **II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018**

### **1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

#### **1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính**

##### **1.1.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số CP sở hữu (31/12/2018)</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Bùi Vạn Thuận	Tổng giám đốc	88.188	0.04%
2	Phạm Khắc Dũng (Thôi giữ chức vụ PTGD từ 01/10/2018)	Phó Tổng giám đốc thường trực	0	0%
3	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	34.238	0.01%
4	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	0	0%
5	Trương Quốc Lâm	Phó Tổng giám đốc	98	0%
6	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0%
7	Trần Duy Cường	Kế toán trưởng	0	0%

##### **1.1.2 Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh**

Năm 2018, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, vượt qua những khó khăn, biến động ảnh hưởng từ nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt tăng trưởng 7,08%, hoàn thành vượt mức ngoài dự báo. Tuy nhiên thị trường trong nước vẫn còn rất nhiều khó khăn tiềm ẩn.

Ảnh hưởng 5 năm liên tiếp từ giá dầu giảm sâu, duy trì ở mức thấp đã tạo ra nhiều khó khăn cho các hoạt động của Lĩnh vực dầu khí và tác động trực tiếp đến lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức trên, ngay từ cuối năm 2017, Ban Lãnh đạo PVI đã đưa ra định hướng phát triển và quyết liệt triển khai các giải pháp một cách

đồng bộ, nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống, giám sát và hỗ trợ các đơn vị chặt chẽ nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn và thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh 2018.

### 1.1.3 Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu đạt 10.340 tỷ đồng, hoàn thành 114% kế hoạch năm 2018;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 745 tỷ đồng, hoàn thành 127% kế hoạch năm 2018;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 588 tỷ đồng, hoàn thành 128% kế hoạch năm 2018;

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	% Tăng giảm
Tổng tài sản	19.626,54	19.648,01	0,11%
Doanh thu thuần	5.500,09	6.434,73	16,99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	678,289	736,37	8,56%
Lợi nhuận khác	5,18	8,94	72,63%
Lợi nhuận trước thuế	683,47	745,31	9,05%
Lợi nhuận sau thuế	539,59	588,10	8,99%

### 1.1.4 Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

- Tổng doanh thu đạt 820 tỷ đồng, hoàn thành 135% kế hoạch năm 2018;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 521 tỷ đồng, hoàn thành 160% kế hoạch năm 2018;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 510 tỷ đồng, hoàn thành 157% kế hoạch năm 2018;

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Thực hiện năm 2018	% Tăng giảm
Tổng tài sản	6.699,57	6.900,28	3,00%
Doanh thu thuần	762,02	819,57	7,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	481,65	521,17	8,20%
Lợi nhuận khác	5,28	0,30	-94,36%
Lợi nhuận trước thuế	486,93	521,47	7,09%
Lợi nhuận sau thuế	475,36	510,21	7,33%

## 1.2. Các thành tích tiêu biểu trong năm 2018

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 trong bối cảnh khó khăn chung, góp phần tạo nguồn lực cho việc triển khai Kế hoạch 2019 và giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch: Thường xuyên triển khai kiểm tra kiểm soát trong toàn hệ thống; Hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015
- Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ: Giữ vững và Duy trì vị trí số 1 thị trường về bảo hiểm công nghiệp và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ.
- Thực hiện quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí một cách an toàn, hiệu quả. Thực hiện giải quyết bồi thường nhanh chóng, kịp thời các tổn thất của ngành dầu khí.
- Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: tiếp tục phát triển đúng định hướng, Nhận Tái bảo hiểm từ nguồn trong nước tăng trưởng khả quan và tăng dần tỷ trọng trong tổng doanh thu nhận Tái bảo hiểm so với cùng kỳ.
- Trong lĩnh vực hoạt động đầu tư, quản lý tài sản: Hoạt động đầu tư (đặc biệt là lĩnh vực đầu tư dự án) đã trở thành lĩnh vực then chốt, tăng nguồn lợi chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh cho toàn hệ thống. Đồng thời góp phần an toàn nguồn vốn, tài sản của toàn hệ thống trong bối cảnh thị trường tài chính nhiều rủi ro.
- Chuẩn bị triển khai thực hiện tái cơ cấu PVI theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Chính phủ.
- Hoàn thiện và Triển khai chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực toàn PVI giai đoạn 2016-2020.
- Thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: Năm 2018 là năm thứ 3 liên tiếp, PVI được Forbes Việt Nam bình chọn là một trong 40 thương hiệu Công ty có giá trị nhất Việt Nam. Năm 2018, thương hiệu PVI được Forbes Việt Nam xác định có giá trị 32,7 triệu đô la Mỹ.

## 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

### 2.1. TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)

#### 2.1.1 Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính trong năm 2018

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI tiếp tục chú trọng việc tăng trưởng đi đôi với phát triển theo chiều sâu với việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch do PVI Holdings giao. Lãi nghiệp vụ của Công ty trong những năm qua luôn cao nhất thị trường và là một trong số ít các doanh nghiệp bảo hiểm luôn có lãi nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Kết quả các chỉ tiêu cụ thể trong năm 2018 như sau:

- **Tổng doanh thu đạt: 8.419 tỷ đồng**, hoàn thành 98,5% kế hoạch năm và tăng trưởng 2,5% so với năm 2017. Trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 7.931 tỷ đồng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 463 tỷ đồng.

- **Lợi nhuận trước thuế ước đạt: 453 tỷ đồng**, hoàn thành 100,7% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 113 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính là 332 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước hơn 500 tỷ đồng.

Bảo hiểm PVI tiếp tục song hành cùng Ngành Dầu khí trên mọi chặng đường, đảm bảo giữ vững uy tín và vị thế là nhà bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam thu xếp bảo hiểm cho toàn bộ các dự án tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí trong nước cũng như các dự án dầu khí do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đầu tư tại nước ngoài đồng thời giải quyết nhanh chóng công tác chi trả bồi thường cho các khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí – Năng lượng.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm PVI cũng đẩy mạnh triển khai các dự án lớn ngoài lĩnh vực Dầu khí – Năng lượng, khẳng định vị thế bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các nhà đầu tư nước ngoài cũng như các dự án trọng điểm quốc gia.

Nổi bật trong năm 2018 không chỉ từ những con số kinh doanh, mà dấu ấn quan trọng của Bảo hiểm PVI chính là sự thay đổi trong công tác phát triển dịch vụ và quản trị - tuân thủ: Triển khai áp dụng mô hình giải quyết khiếu nại tập trung các nghiệp vụ bảo hiểm khác ngoài xe cơ giới và con người tại 2 Văn phòng Chăm sóc Khách hàng nhằm chuyên môn hóa công tác xử lý bồi thường, tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ; Áp dụng công nghệ thông tin cho hệ thống thương mại điện tử, chuyển đổi hệ thống tổng đài điện tử đa kênh và xây dựng hệ thống quản lý khách hàng...

#### ❖ Các sự kiện nổi bật và thành tích tiêu biểu:

- Giữ vững vị trí là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tái tục và giữ vững các dịch vụ bảo hiểm trong lĩnh vực Dầu khí – Năng lượng đạt hiệu quả với doanh thu năm 2018 là hơn 2.000 tỷ đồng.
- Xây dựng và triển khai 2 sản phẩm mới là Bảo hiểm Bệnh ung thư và Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo, kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Năm 2018, doanh thu từ hệ thống bán lẻ lần đầu tiên đạt mốc trên 4.000 tỷ đồng.
- Hoàn tất mô hình quản trị hệ thống bán lẻ nhằm nâng cao tính chủ động tại đơn vị và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.
- Thành lập mới 03 đơn vị PVI Thủ Đức, PVI Thống Nhất & PVI Bình Định, nâng tổng số đơn vị thành viên của Công ty lên 36 đơn vị.

## 2.1.2 Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019

- Duy trì và phấn đấu nâng hạng tín nhiệm tài chính quốc tế theo tiêu chuẩn của A.M Best;
- Giữ vững vị thế nhà bảo hiểm Công nghiệp số 1 thị trường và tiếp tục phát triển mạng lưới bán lẻ trên nguyên tắc hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động của hai Văn phòng đại diện Chăm sóc Khách hàng, hướng đến dịch vụ Khách hàng với chất lượng tốt nhất, nhanh chóng nhất;
- Xây dựng các chương trình tái bảo hiểm cạnh tranh và hiệu quả.
- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và kinh doanh.

## 2.2. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)

### 2.2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) là công ty con của công ty CP PVI (sở hữu 68,86% vốn), được thành lập theo Giấy phép số 66GP/KDBH ngày 20/07/2011 và được cổ phần hóa theo Giấy phép số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013 của Bộ Tài chính.

Là một trong hai công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm tại Việt Nam, PVI Re phấn đấu trở thành nhà tái bảo hiểm hàng đầu khu vực, duy trì sự phát triển nhanh và bền vững. PVI Re đã tận dụng lợi thế là các nguồn lực sẵn có được kế thừa từ truyền thống 20 năm liên tục phát triển của hệ thống PVI để cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng; Liên tục cải thiện quy trình kinh doanh bằng cách tận dụng lợi thế của tiến bộ về công nghệ thông tin; Động viên nhân viên thông qua đào tạo, trao quyền và hỗ trợ môi trường làm việc; Tăng cường năng lực tài chính của công ty thông qua các hoạt động nghiệp vụ nhằm đem lại lợi ích của các bên liên quan.

Qua bảy năm hoạt động, công ty vươn mình phát triển và đã liên tiếp đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, hiệu quả hoạt động kinh doanh năm sau cao hơn năm trước, giữ vững xếp hạng tín nhiệm quốc tế B+ (Tốt) và triển vọng nâng hạng của tổ chức A.M. Best, cổ tức hằng năm đạt 14%.

Năm 2018, với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của tập thể lãnh đạo và sự quyết tâm, nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, PVI Re đã thực hiện nghiêm chỉnh các định hướng chiến lược đã vạch ra và tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 1.550 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 154.8 tỷ đồng (đạt 103,2% kế hoạch).

## 2.2.2 Nhiệm vụ trọng tâm 2019

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019. Tổng doanh thu kế hoạch đạt 1.646,9 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế đạt 160,2 tỷ, trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 56,3 tỷ đồng - cao hơn so với năm 2018.
- Tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 dự kiến là 14% trên vốn điều lệ bình quân.
- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung đẩy mạnh phí giữ lại.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong nước. Tăng trưởng phí nhận phát sinh trong năm đạt mức 16%. Chú trọng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng khai thác, tăng mức giữ lại hợp lý
- Tiếp tục tái cấu trúc nguồn nước ngoài, tập trung tái tục các dịch vụ có hiệu quả.
- Tối đa hóa hiệu quả dòng tiền phục vụ công tác đầu tư. Doanh thu đầu tư tài chính tăng trưởng 2,3%. Lợi nhuận đầu tư tài chính đạt 103,9 tỷ, tăng trưởng 5,3%.

## 2.3. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI (PVI AM)

### 2.3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu năm 2018 của PVI AM là 38,7 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế của PVI AM là 9,3 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm.
- Cổ tức PVI AM dự kiến chi trả ở mức 10%, bằng kế hoạch đã đặt ra đầu năm.
- Về công tác quản lý quỹ:
  - + Mặc dù không đạt kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra nhưng kết quả kinh doanh của Quỹ POF cũng là rất tích cực khi so sánh với VN Index và các quỹ lớn trên thị trường do Quỹ POF là một trong số rất ít quỹ đầu tư cổ phiếu trên thị trường có mức tăng trưởng NAV dương so với đầu năm, đạt mức 1,7%. Theo đó, Quỹ POF đã tạm ứng cổ tức năm 2018 cho các thành viên góp vốn với tỷ lệ 5%.
  - + Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (Quỹ PIF) có một năm thuận lợi khi hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức chi trả cho các thành viên góp vốn, đạt mức 23%, tăng mạnh so với kế hoạch đặt ra đầu năm là 8,5%.
- Về công tác quản lý danh mục đầu tư:
  - + Quản lý hiệu quả danh mục nhận ủy thác với tổng giá trị gần 7.000 tỷ đồng, đồng thời đẩy mạnh thanh khoản cho danh mục đầu tư quản lý, thanh toán và tái đầu tư, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- + Bước đầu phát triển khách hàng ngoài hệ thống. Hiện tại, PVI AM đang quản lý danh mục ủy thác đầu tư của 02 khách hàng ngoài hệ thống PVI với tổng giá trị hợp đồng gần 90 tỷ đồng.
- *Về công tác nghiên cứu, phân tích và tư vấn:* Hỗ trợ, tư vấn nghiệp vụ về đầu tư cho khách hàng trong hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, PVI AM đã cùng với Bảo hiểm PVI thiết lập hệ thống bán chéo sản phẩm bảo hiểm thông qua các ngân hàng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường cho toàn hệ thống PVI.
- *Về công tác xây dựng và quản trị hệ thống:* Hoàn thiện mô hình, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng đầu tư PVI AM, nâng cao vai trò của Hội đồng đầu tư PVI AM trong việc đưa ra các quyết định đầu tư nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo đạt hiệu quả kỳ vọng.

### **2.3.2 Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm năm 2019**

- Tối đa hóa lợi nhuận hoạt động đầu tư của toàn hệ thống PVI thông qua việc tăng cường hiệu quả quản lý tài sản và khai thác dòng tiền, xây dựng cơ cấu phân bổ danh mục tài sản có mức sinh lời cao hơn và đưa vào khai thác các sản phẩm đầu tư mới có hiệu quả cao, phù hợp với đặc thù kinh doanh của từng khách hàng.
- Điều hành hoạt động của các quỹ theo đúng định hướng, an toàn, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà không phụ thuộc vào biến động của thị trường;
- Nghiên cứu thị trường, hoạch định các chiến lược, mục tiêu đầu tư, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các tỷ suất lợi nhuận theo yêu cầu của nhà đầu tư;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư;
- Tổ chức bộ máy hoạt động tinh gọn hiệu quả, quản trị doanh nghiệp minh bạch;
- Triển khai hệ thống đánh giá KPI, đảm bảo đánh giá đúng, đủ, công bằng, nâng cao trách nhiệm và tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên.

### **2.3.3 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÀI SẢN VIỆT NAM (VAD)**

#### **❖ Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018**

- Tổng doanh thu ước thực hiện là 1.235,12 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế ước đạt được là 185,90 tỷ đồng. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông góp vốn đạt 26%. Tổng số tiền nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2018 được ghi nhận là 85,9 tỷ đồng.
- Về tổ chức và nhân sự: Tổ chức các kỳ họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành; Hoàn thành việc chỉnh sửa các nội dung cho Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy



chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ, Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động đầu tư. ...; Qua sự phát triển dự án, công ty đã từng bước hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có nhiệt huyết; Các Ban đã phát huy được vai trò, thể hiện chuyên môn vững chắc, góp phần vào các thành tựu bước đầu của Công ty; Thực hiện hệ thống đánh giá KPI định kỳ hàng quý có hiệu quả, Công ty cũng đang nỗ lực nghiên cứu từng bước cải thiện năng suất và hiệu quả công việc; Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, phát huy phong trào học tập, chia sẻ kiến thức trong công ty, nâng cao chất lượng, năng lực cán bộ...

- Về tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:
  - + Công tác triển khai dự án Khu nhà ở thấp tầng AITTI: các khách hàng sớm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và nhận bàn giao nhà đã được cấp sổ đỏ. Công tác thi công hạ tầng đang được tiếp tục thực hiện. Bộ máy quản lý vận hành dự án sau khi được thành lập trong quý II/2018 đã cơ bản đi vào hoạt động ổn định.
  - + Công tác triển khai dự án tại Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học: Công ty đang tiến hành thủ tục xin cấp phép xây dựng. Công tác đấu thầu và thiết kế đang được triển khai thực hiện.
- Công tác tư vấn kinh doanh, quản lý tài sản và tư vấn triển khai hoạt động xây dựng: Thực hiện công tác tư vấn kinh doanh cho thuê Tòa nhà PVI Tower: Tổng diện tích đang khai thác tại Tòa nhà trong năm 2018 là 42.681 m<sup>2</sup>, liên tục duy trì tỷ lệ lấp đầy > 97.44%, diện tích còn trống tiếp tục khai thác là 1.122 m<sup>2</sup>; Tiếp tục hỗ trợ PVI Holdings quản lý các hợp đồng thuê hiện hữu, tư vấn xử lý khi có phát sinh công việc theo hợp đồng thuê hoặc khi khách thuê có yêu cầu. Ngoài ra, công ty còn thực hiện công tác tư vấn quản lý tài sản Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học, tư vấn triển khai hoạt động xây dựng cho các trụ sở đơn vị của Tổng công ty Bảo hiểm PVI như PVI Cà Mau và PVI Đà Nẵng,...
- Phát triển các dự án mới: Tiếp tục tìm kiếm dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của VAD. Ngoài ra, VAD cũng tập trung vào các dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Phú Yên, Quảng Ninh,...
- Công tác kế toán, nhân sự:
  - + Công tác kế toán: Thực hiện công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính của công ty theo đúng quy định; Thực hiện công tác kiểm soát các chi phí hoạt động của công ty; Trong năm 2018, đã thực hiện ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán VACO và thực hiện kiểm toán dự án AITTI đợt 1 thực hiện trong quý I/2018.
  - + Công tác nhân sự: Trong năm 2018, VAD đã tuyển dụng được 08 nhân sự: 01 Phó ban QLDA, 01 cán bộ pháp chế, 01 cán bộ M&E, 01 kiến trúc sư quản lý thiết kế và 04 vị trí khác,....;

### ❖ Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

- Tiếp tục nghiên cứu và trình phê duyệt, ký hợp đồng triển khai đầu tư hai dự án mới; Tiếp tục giữ hướng đầu tư bất động sản tập trung vào các dự án trên địa bàn Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Phú Yên..., ưu tiên các dự án đất sạch, pháp lý rõ ràng, đảm bảo tính thanh khoản và khả thi; Tập trung tham gia vào các dự án đầu tư đất để sử dụng tối đa thế mạnh tài chính của VAD;
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đưa Dự án Embassy Garden và Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học vào hoạt động, khai thác trong năm 2019;
- Xây dựng phương án cổ phần hóa VAD và phương án góp vốn hợp tác đầu tư với các chủ đất; cấu trúc lại nguồn vốn thông qua cổ phần hóa doanh nghiệp; Nghiên cứu xây dựng phương án phát hành trái phiếu cho mỗi dự án để tạo nguồn vốn cho công tác phát triển quỹ đất;
- Xây dựng phương án tài chính và nhân sự để sẵn sàng cho các dự án mới. Xây dựng được đội ngũ đủ năng lực để triển khai công việc;
- Tiếp tục duy trì hiệu quả công tác tư vấn.

## 3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### 3.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Tại ngày 31/12/2018	Ghi chú
1	Vốn điều lệ (đồng)	2.342.418.670.000	
2	Tổng số cổ phiếu	234.241.867	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	3.132.900	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	231.108.967	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	

### 3.2. Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/12/2018)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
1	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	81.978.740	35%
2	HDI-Global SE (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	83.711.071	35,74%

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
3	Funderburk Lighthouse Ltd	Cayman Islands	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
4	Công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	1C Ngô Quyền, Hà Nội	Đầu tư	15.266.000	6,5%
5	Khác			26.168.161	11,18%

**3.2.1 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:** Không có

**3.2.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Số lượng cổ phiếu quỹ	11.754.600	-8.621.700	3.132.900	Bán cổ phiếu quỹ

**3.2.3 Các chứng khoán khác:** Không có

### 3.3. Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

Bên cạnh việc tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, việc gia tăng giá trị lợi ích cổ đông là một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong năm 2018, PVI đã thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và nhà đầu tư như sau:

- PVI luôn tuân thủ quy định pháp luật về công ty cổ phần đại chúng niêm yết và các quy định liên quan đến quản trị công ty khác.
- + PVI thường xuyên rà soát, cập nhật, thực hiện đầy đủ và đúng hạn các yêu cầu công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan: quy định của các cơ quan quản lý như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính và công bố những thông tin khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị công ty...
- + PVI đã tiến hành sửa đổi Điều lệ PVI trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp với quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP, đồng thời xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ngoài ra, PVI cũng thường xuyên

rà soát các quy chế, quy định nội bộ khác để sửa đổi và áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty.

- PVI đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư được thực hiện quyền tiếp cận thông tin và được đối xử bình đẳng, thông tin ngày càng được công khai minh bạch hóa.
- + PVI luôn chủ động công bố và cập nhật thường xuyên các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư ... trên website chính thức của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để cổ đông có thể nắm bắt kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI. Website pvi.com.vn cũng đã được thiết kế lại với giao diện mới thuận tiện hơn cho việc tra cứu thông tin của cổ đông.
- + Bộ phận Quan hệ cổ đông tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân giải đáp thông tin và thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền lợi cổ đông.
- + PVI chi trả cổ tức đầy đủ, đúng hạn, phù hợp với tình hình kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- + Chuẩn bị việc phát hành báo cáo tài chính quốc tế IFRS phù hợp với xu hướng phát triển chung của thị trường và khuôn khổ pháp lý Việt Nam.

Ghi nhận những kết quả của PVI đã đạt được, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch và quản trị công ty tốt nhất trong nhiều năm liền.

#### **4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

Trong năm 2018, PVI tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp sau khi Tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

##### **4.1. Về cơ cấu tổ chức, nhân sự:**

###### **4.1.1. Về công tác tổ chức:**

###### **❖ Công ty mẹ:**

Trong năm 2018, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty, thực hiện việc phân công nhiệm vụ đến từng vị trí chức danh để nâng cao vai trò trách nhiệm và hiệu quả xử lý, giải quyết công việc. Cùng với đó, tiếp tục tiến hành rà soát, triển khai Chiến lược Quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2022 để xây dựng nguồn nhân lực kế cận đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới cũng như phát huy vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển trong toàn bộ hệ thống.

#### ❖ Các công ty con, công ty liên kết:

Năm 2018, các Công ty con đã có những thay đổi tích cực trong việc làm rõ hoạt động của công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, từ việc thay đổi cơ cấu tổ chức, phân công chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng Khối, Ban, Phòng đến công tác đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự bám sát với mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của công ty.

#### 4.1.2. Về nhân sự:

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động toàn PVI là 2500 người.

#### Trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty cổ phần PVI: 43 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2393 người
- Tổng công ty CP Tái bảo hiểm PVI: 39 người
- Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI: 25 người.

#### 4.2. Chính sách lao động:

Năm 2018 PVI tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2021-2022, trong đó các chế độ tiền lương, tiền thưởng gắn liền với hiệu quả làm việc, đảm bảo công bằng và cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề trên thị trường. Kết quả đánh giá hàng năm được PVI sử dụng làm cơ sở để xem xét điều chỉnh lương chức danh và chi trả lương bổ sung, thưởng. Việc trả lương theo hiệu quả làm việc đã tạo động lực cho người lao động phát triển, cống hiến và nâng cao năng suất lao động, gắn bó lâu dài với PVI.

Chính sách trả lương, thưởng của PVI đảm bảo phù hợp với các quy định của Chính phủ, các cơ quan quản lý về lao động, Thỏa ước lao động tập thể và được gắn với nội dung quản lý nhân sự khác như: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhằm thu hút, khuyến khích phát triển nguồn nhân lực. Chế độ đóng, hưởng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động tại PVI được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động. Ngoài ra PVI đã thực hiện tốt các chính sách phúc lợi ưu việt, gia tăng lợi ích cho người lao động, gắn kết người lao động như Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện; Bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao (PVI Care) cho người lao động và người thân; Nghỉ mát hàng năm; Trang bị đồng phục; Khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức ăn sáng, ăn trưa cho người lao động tại bếp ăn của PVI; Hỗ trợ, thăm hỏi người lao động khi ốm đau, hiếu, hi; Tặng quà cho người lao động và tổ chức gặp mặt nhân các ngày Lễ: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; Rằm trung thu, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12...



#### **4.3. Hoạt động đào tạo:**

PVI khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức.

#### **4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Trong năm 2018, PVI tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Pháp luật như: Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ chuyên trách, thực hiện báo cáo định kỳ công tác vệ sinh lao động và môi trường, song song với công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định, quy phạm pháp luật và công tác đào tạo, huấn luyện An toàn sức khỏe môi trường và Phòng chống cháy nổ cho người lao động trong đơn vị và khách thuê tại Tòa nhà PVI. PVI đã tổ chức phát động và hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ tại Tòa nhà PVI.

#### **4.5. Hoạt động Đảng – đoàn, an sinh xã hội:**

Công tác Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội của PVI đã có những bước phát triển về “chất”, kịp thời đáp ứng được với mô hình tái cấu trúc doanh nghiệp. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên ở các cấp luôn giữ vững được vai trò, tôn chỉ mục đích của mỗi tổ chức, bám sát nhiệm vụ kinh doanh của từng đơn vị. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo thành khối đoàn kết thống nhất từ những đảng viên, đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và người lao động, góp phần không nhỏ vào thành công chung của PVI, từng bước nâng cao chất lượng chính trị, đời sống văn hóa tinh thần, văn hóa doanh nghiệp.

Năm 2018, PVI tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: tặng quà các gia đình chính sách, các gia đình nghèo.... nhân dịp tết Nguyên đán tại khu vực miền Trung, khu vực Tây Bắc; hỗ trợ kinh phí chương trình về nguồn phùng Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; hỗ trợ các đơn vị, các hộ gia đình khó khăn tại các địa phương nơi PVI có trụ sở làm việc; hỗ trợ cán bộ đang làm việc tại PVI không may qua đời, bị bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn, ... số tiền hỗ trợ gần 2 tỷ đồng.

### **5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **5.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao giao và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ:

- Kết quả kinh doanh năm 2018 hợp nhất của PVI đạt tổng doanh thu 10.340 tỷ đồng, hoàn thành 114% kế hoạch năm; Lợi nhuận trước thuế đạt 745 tỷ đồng, hoàn thành 127% kế hoạch năm. Tổng doanh thu năm 2018 của Công ty mẹ đạt 820 tỷ đồng, hoàn thành 135% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 521 tỷ đồng, hoàn thành

160% kế hoạch năm; Thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông PVI với tỷ lệ 28% trên mệnh giá cổ phiếu (2.800 đồng/CP), cao gấp 2,3 lần so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao giao (12%).

- Về lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, PVI tiếp tục dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về hiệu quả nghiệp vụ và giữ vững vị thế nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Về lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm, PVI tiếp tục rà soát, cải tiến phương thức thu xếp tái bảo hiểm đồng thời đẩy mạnh hoạt động nhận tái bảo hiểm ở thị trường trong nước theo đúng định hướng. Về hoạt động đầu tư và quản lý tài sản, do ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của PVI cũng bị ảnh hưởng nhất định, tuy nhiên với định hướng chiến lược đúng và chủ động tái cơ cấu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, hoạt động đầu tư của PVI cũng đã góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống.

## **5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**

Trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật. Điều lệ PVI và thực hiện thành công các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

## **5.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2019, HĐQT PVI sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo PVI hoàn thành tốt kế hoạch năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông giao. Bám sát diễn biến kinh tế xã hội và hoạt động kinh doanh của PVI để đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Chỉ đạo tiếp tục công tác tái cấu trúc PVI theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tăng cường hoạt động đầu tư. Quản trị tốt dòng tiền từ bảo hiểm để chuyển sang đầu tư.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty mẹ và hiệu quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT. Chỉ đạo tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện các quy định mới về công tác quản trị.
- Cải cách hệ thống tiền lương theo năng suất và hiệu quả làm việc để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường lao động.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ fintech và insurtech trong quản trị, tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ.

### III - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

#### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### 1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2018)	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	217.009	0.1%
2	Ông Tôn Thiện Việt	Phó CT HĐQT	0	0%
3	Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên HĐQT	88.188	0.04%
4	Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Ông Ulrich Heinz Wollschläger	Ủy viên HĐQT	0	0%
6	Ông Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	0	0%
7	Ông Clemens Jungsthöfel (giữ chức UV HĐQT từ ngày 19/04/2018)	Ủy viên HĐQT	0	0%
8	Ông Nguyễn Anh Tuấn (đại diện PvcomBank)	Ủy viên HĐQT	0	0%
9	Ông Hussain Mohamed Redha Ali (thôi giữ chức UV HĐQT từ ngày 19/04/2018)	Ủy viên HĐQT	0	0%

##### 1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) trong năm qua đã tăng cường hiệu quả hoạt động cũng như ngày càng phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI. Các Ủy ban đã họp định kỳ hàng quý trước các cuộc họp Hội đồng quản trị để thực hiện tư vấn, tham mưu cho Hội đồng quản trị về các nội dung: xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất xây dựng và rà soát sửa đổi một số quy chế nội bộ, công tác nhân sự toàn hệ thống, ...

##### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Tổng giám đốc.



Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Một số công việc cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công buổi họp Đại hội đồng cổ đông giao thường niên năm 2018 vào ngày 19/04/2018, tiến hành 04 phiên họp định kỳ vào các ngày 19/03, 12/06, 16/08 và 14/11/2018. Hội đồng quản trị cũng đã tổ chức 07 lần xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, ban hành 22 Nghị quyết Hội đồng quản trị để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PVI	08/02/2018	Công tác nhân sự
2	02/NQ-PVI	20/03/2018	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
3	03/NQ-PVI		Thay đổi phương án góp vốn vào PVI Re
4	04/NQ-PVI		Xây dựng kế hoạch kinh doanh
5	05/NQ-PVI		Sửa đổi Quy chế ứng xử của PVI
6	06/NQ-PVI	28/03/2018	Kết quả rà soát Điều lệ Quỹ POF, PIF
7	07/NQ-PVI		Một số nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
8	08/NQ-PVI	07/05/2018	Thay đổi phương án thoái vốn của Quỹ PIF tại VAD
9	09/NQ-PVI	04/06/2018	Chi trả cổ tức năm 2017
10	10/NQ-PVI	12/06/2018	Kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2018 và kế hoạch kinh doanh Quý II/2018
11	11/NQ-PVI		Giao nhiệm vụ Người phụ trách quản trị công ty
12	12/NQ-PVI		Bổ nhiệm Kiểm soát viên Bảo hiểm PVI
13	13/NQ-PVI	17/08/2018	Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2018
14	14/NQ-PVI		Ký hợp đồng cho VAD thuê lại Tòa nhà 154 Nguyễn Thái Học
15	15/NQ-PVI		Chủ trương nghiên cứu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp
16	16/NQ-PVI	26/09/2018	Công tác cán bộ
17	17/NQ-PVI	15/11/2018	- Kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch kinh doanh 3 tháng cuối năm 2018 - Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty
18	18/NQ-PVI		Công tác cán bộ
19	19/NQ-PVI		Nhân sự các Ủy ban thuộc HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
20	20/NQ-PVI		Nhân sự PVI Re
21	21/NQ-PVI		Nhân sự Quỹ POF, PIF
22	22/NQ-PVI		Nguyên tắc về công tác nhân sự tại các công ty con

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận. Với kết quả kinh doanh ấn tượng, PVI thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 28%, cao gấp 2.3 lần so với mức đã cam kết với Đại hội đồng cổ đông (12%).
- Về công tác nhân sự: ngoài việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã bầu thay thế 01 thành viên Hội đồng quản trị (ông Clemens Jungsthöfel thay thế ông Hussain Mohamed Redha Ali). Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kiện toàn nhân sự của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Kiểm soát viên Bảo hiểm PVI đồng thời cơ cấu lại nhân sự của PVI Re, các quỹ POF, PIF cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo yêu cầu quản trị công ty.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ như: xây dựng Quy chế quản trị công ty, sửa đổi Quy chế Người đại diện, Quy chế lương thưởng, Quy chế ứng xử, các quy trình đầu tư, Điều lệ các Quỹ...: tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên và nâng cao công tác quản trị rủi ro, hiệu quả hoạt động đầu tư, quản lý quỹ và quản lý tài sản..

#### 1.4. Đào tạo về quản trị công ty:

Các cán bộ quản lý của PVI (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc...) thường xuyên tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các đơn vị đào tạo uy tín khác trong nước và ngoài nước tổ chức. Hoạt động đào tạo về công tác quản trị luôn được PVI chú trọng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp của PVI.

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2018)	Tỷ lệ
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	767	0%
2	Ông Daryl John Vella	Thành viên BKS	0	0%
3	Ông Oliver Massmann	Thành viên BKS	0	0%
4	Bà Trần Thu Hà	Thành viên BKS	0	0%

## **2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

### **❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Năm 2018, Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý vào ngày 14/03, 31/05, 14/08 và 12/11/2018 nhằm trao đổi những nội dung sau:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát trong quý trước đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;
- Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban Tổng giám đốc và các cán bộ liên quan;
- Thống nhất những ý kiến đánh giá và đưa ra kiến nghị với PVI;
- Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

### **❖ Hoạt động kiểm tra giám sát**

Ban kiểm soát định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua báo cáo tài chính và các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Ban kiểm soát đã phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2018 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và thẩm định báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty thành viên.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2018.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, Ban kiểm soát đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua.

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Người đại diện của tổ chức là người nội bộ	9.557.943	4,08%	248.547	0,1%	Bán
2	Bà Hà Lan	Người nội bộ	30.767	0,01%	767	0%	Bán

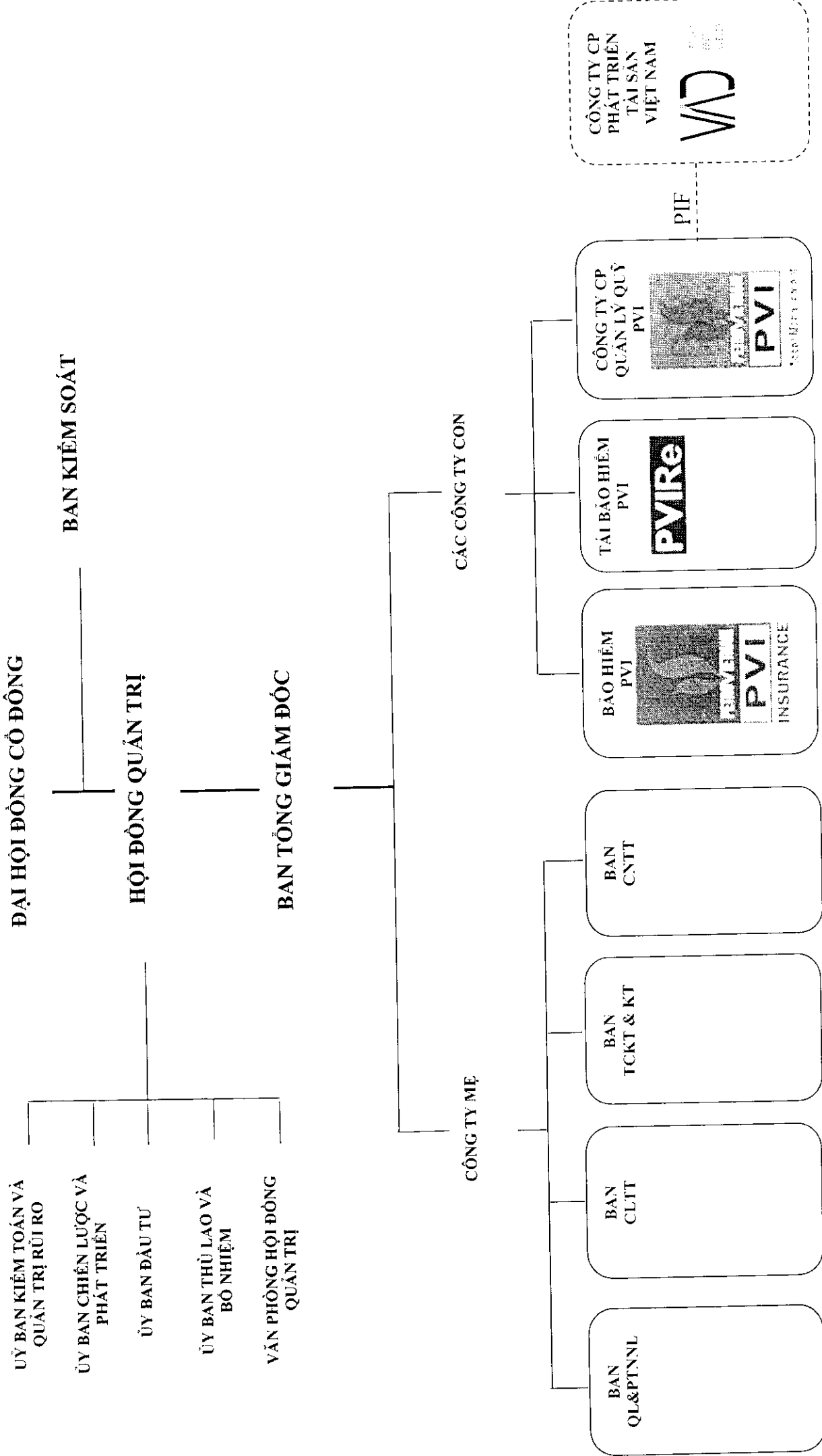
**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

**3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Thực hiện theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

## **IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

# SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



*Ghi chú:* VAD do PVI và các Công ty con của PVI đầu tư góp vốn thông qua Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (PIF)

# Deloitte

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*



**HOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 31



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Clemens Jungsthöfel	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

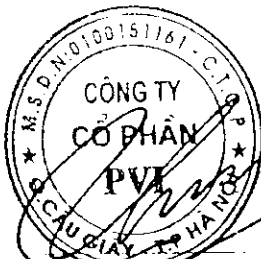
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Số: 432 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**Đỗ Hồng Dương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2393-2015-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 01 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.826.918.209.551</b>	<b>997.283.613.932</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.728.159.243</b>	<b>23.873.054.713</b>
1. Tiền	111		11.728.159.243	13.873.054.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.529.882.365.744</b>	<b>684.882.365.744</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.085.880.000	37.085.880.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.256)	(22.203.514.256)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.515.000.000.000	670.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>206.927.100.211</b>	<b>219.316.666.988</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	85.683.296.074	45.188.936.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.829.948.550	8.937.862.668
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	163.763.914.452	207.154.541.974
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(44.350.058.865)	(41.964.674.593)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>934.432.728</b>	<b>338.252.728</b>
1. Hàng tồn kho	141		934.432.728	338.252.728
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.446.151.625</b>	<b>68.873.273.759</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	8.555.632.998	5.452.907.028
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.890.518.627	63.420.366.731
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.073.363.139.625</b>	<b>5.702.286.678.109</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>865.520.400</b>	<b>309.478.800</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	865.520.400	309.478.800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>124.839.037.190</b>	<b>135.561.592.989</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	123.307.187.757	132.065.308.942
Nguyên giá	222		206.983.212.668	193.971.426.956
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.676.024.911)	(61.906.118.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.531.849.433	3.496.284.047
Nguyên giá	228		6.605.360.000	29.209.238.224
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.073.510.567)	(25.712.954.177)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>1.471.271.293.997</b>	<b>1.499.947.292.796</b>
Nguyên giá	231		1.644.531.457.068	1.621.298.874.166
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(173.260.163.071)	(121.351.581.370)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>3.471.701.590.000</b>	<b>4.063.037.730.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.466.090.090.000	3.424.772.730.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.500.000.000	43.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.888.500.000)	(35.235.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	630.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.685.698.038</b>	<b>3.430.583.524</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.685.698.038	3.430.583.524
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.900.281.349.176</b>	<b>6.699.570.292.041</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

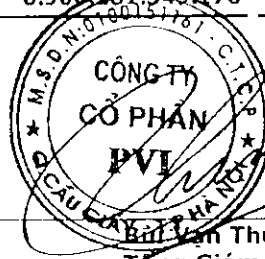
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>408.345.964.618</b>	<b>357.326.784.311</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>192.896.837.771</b>	<b>92.981.418.828</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		685.467.315	245.826.797
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.601.712.371	4.197.370.914
3. Phải trả người lao động	314		9.958.578.947	13.670.097.221
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.659.335.833	8.562.018.070
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.103.772.702	10.595.156.300
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	74.545.427.213	1.435.558.265
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		79.342.543.390	54.275.391.261
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>215.449.126.847</b>	<b>264.345.365.483</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		190.455.413.825	230.213.019.023
2. Phải trả dài hạn khác	337	14	24.787.534.647	33.919.568.085
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		206.178.375	212.778.375
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.491.935.384.558</b>	<b>6.342.243.507.730</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>6.491.935.384.558</b>	<b>6.342.243.507.730</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.508.280.505.200	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(56.956.397.925)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		518.980.786.508	710.433.603.910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.772.176.000	235.070.384.621
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		510.208.610.508	475.363.219.289
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.900.281.349.176</b>	<b>6.699.570.292.041</b>

**Lâm Thị Lan Phương**  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Trần Duy Cường**  
Kế toán trưởng



**Bùi Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

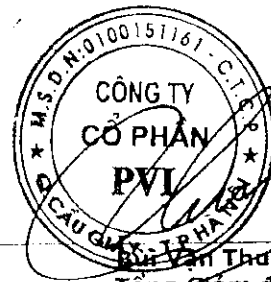
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	237.492.752.458	185.534.163.367
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		237.492.752.458	185.534.163.367
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	170.199.344.259	142.307.134.959
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		67.293.408.199	43.227.028.408
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	581.626.598.120	570.442.680.045
6. Chi phí tài chính	22	22	6.099.985.195	6.486.173.258
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	121.652.845.653	125.529.827.441
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		521.167.175.471	481.653.707.754
9. Thu nhập khác	31		456.841.953	6.044.687.393
10. Chi phí khác	32		158.386.754	764.498.071
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		298.455.199	5.280.189.322
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		521.465.630.670	486.933.897.076
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	11.257.020.162	11.570.677.787
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		510.208.610.508	475.363.219.289

Lâm Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Trần Duy Cường  
Kê toán trưởng



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>521.465.630.670</b>	<b>486.933.897.076</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	57.466.944.441	64.338.232.901
Các khoản dự phòng	03	5.038.884.272	2.174.999.998
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(581.582.975.916)	(607.784.337.297)
Các khoản điều chỉnh khác	07	722.325.408	
<b>3. Lãi/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.110.808.875</b>	<b>(49.337.207.322)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	30.961.505.995	210.054.833.126
Thay đổi hàng tồn kho	10	(596.180.000)	(337.802.728)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.882.183.594)	(126.323.694.692)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(4.357.840.484)	(4.364.534.157)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.300.756.044)	(96.177.071.467)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.935.354.748</b>	<b>(66.485.477.240)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(15.056.126.681)	(12.248.613.524)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	372.201.953	343.311.331.423
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.316.000.000.000)	(1.750.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.101.000.000.000	1.740.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(41.317.360.000)	(130.117.490.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	548.881.391.880	224.151.136.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>277.880.107.152</b>	<b>415.096.364.399</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

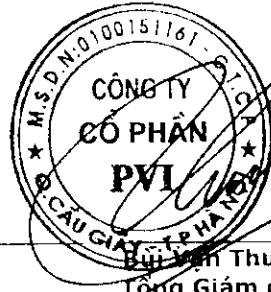
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	341.144.694.230	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(647.105.051.600)	(444.974.494.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(305.960.357.370)</b>	<b>(444.974.494.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(12.144.895.470)</b>	<b>(96.363.606.841)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>23.873.054.713</b>	<b>120.236.661.554</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>11.728.159.243</b>	<b>23.873.054.713</b>

Lâm Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Trần Duy Cường  
Kê toán trưởng



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 17 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 44 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 42 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

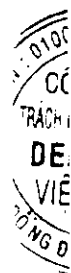
**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) (i)





- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Các quỹ này đều được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, với thời gian hoạt động là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm đầu tư vào công ty con).

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***a. Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***c. Đầu tư vào công ty con***

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF")*

Khoản đầu tư góp vốn vào POF và PIF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF và PIF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF và PIF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF và PIF tại thời điểm cuối năm tài chính.

***d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

150  
120  
100  
80  
60  
40  
20  
0

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

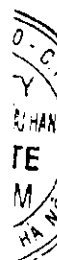
#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và



31  
0N  
P  
4Y

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	278.166.752	487.700.753
Tiền gửi ngân hàng	11.449.992.491	13.385.353.980
Các khoản tương đương tiền (i)	-	10.000.000.000
	<b>11.728.159.243</b>	<b>23.873.054.713</b>

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh	37.085.880.000	14.882.365.744	37.085.880.000	14.882.365.744
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.085.880.000	14.882.365.744	37.085.880.000	14.882.365.744
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.515.000.000.000	1.515.000.000.000	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000
b1) Ngắn hạn	1.515.000.000.000	1.515.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn ( )	1.515.000.000.000	1.515.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
b2) Dài hạn	-	-	630.000.000.000	630.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn ( )	-	-	630.000.000.000	630.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.509.590.090.000	3.714.895.139.504	3.468.272.730.000	3.632.516.655.871
- Đầu tư vào công ty con	3.466.090.090.000	3.709.283.639.504	3.424.772.730.000	3.624.251.655.871
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.600.000.000.000	2.752.361.694.345	2.600.000.000.000	2.715.550.514.350
- Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	501.317.360.000	579.857.639.497	460.000.000.000	532.637.784.479
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000	21.507.758.135	17.500.000.000	19.593.046.193
+ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	227.272.730.000	235.145.808.194	227.272.730.000	236.470.310.849
+ Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	120.000.000.000	120.410.629.332	120.000.000.000	120.000.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	43.500.000.000	5.611.500.000	43.500.000.000	8.265.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Handwritten signature and stamp area.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:**

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Hà Nội	23,08	100	Quỹ đầu tư

**Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"):**

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của mỗi quỹ là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

Tổng số vốn của PIF tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 520.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	120.000.000.000	23,08
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	296.000.000.000	56,92
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	104.000.000.000	20,00
	<b>520.000.000.000</b>	<b>100</b>

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm: các công ty con của Công ty trong năm 2018 hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký và không có thay đổi trong yếu tố về hoạt động kinh doanh so với năm trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm gồm:

+ Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;

+ Các công ty con chia lợi nhuận cho Công ty mẹ/chia cổ tức cho Công ty mẹ;

+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ; nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư từ Công ty mẹ.

**Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:**

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được phản ánh thay cho giá trị hợp lý.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Phải thu về hoạt động đầu tư	81.992.914.383	33.911.933.030
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.690.381.691	11.277.003.909
	<b>85.683.296.074</b>	<b>45.188.936.939</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>163.763.914.452</b>	<b>207.154.541.974</b>
- Tam ứng cho người lao động	548.416.915	510.212.087
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	125.502.989.168	124.077.558.102
- Phải thu khác	37.712.508.369	82.566.771.785
<b>b) Dài hạn</b>	<b>865.520.400</b>	<b>309.478.800</b>
- Ký cược, ký quỹ	865.520.400	309.478.800

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	46.745.054.486	44.350.058.865	2.394.995.621	42.160.553.842	41.964.674.593	195.879.249

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Khả năng thu hồi các khoản phải thu đã trích lập dự phòng thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	96.237.379.206	8.144.305.841	81.587.662.715	8.002.079.194	193.971.426.956
Tăng trong năm	-	-	14.220.940.091	126.976.590	14.347.916.681
- Mua sắm mới	-	-	14.220.940.091	126.976.590	14.347.916.681
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.232.481.819)	(176.849.150)	-	(1.409.330.969)
Tăng (Giảm) khác trong năm	-	162.956.321	(89.756.321)	-	73.200.000
Số dư cuối năm	96.237.379.206	7.074.780.343	95.541.997.335	8.129.055.784	206.983.212.668
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	16.255.156.733	4.261.939.739	40.768.565.706	1.600.415.839	61.905.118.014
Trích khấu hao trong năm	5.657.161.883	795.962.250	14.912.729.725	1.611.276.527	22.977.130.385
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.171.471.007)	(108.952.481)	-	(1.280.423.488)
Tăng (Giảm) khác trong năm	-	121.728.861	(48.528.881)	-	73.200.000
Số dư cuối năm	20.912.358.616	4.028.159.863	55.523.814.069	3.211.692.366	83.576.024.914
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	80.982.182.476	3.862.366.102	40.819.097.009	6.401.663.355	132.065.308.942
Tại ngày cuối năm	75.325.020.593	3.046.620.480	40.018.183.266	4.917.363.418	123.307.187.757

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 30.004.126.952 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.545.132.781 VND).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	29.209.238.224
Tăng trong năm	708.210.000
- Mua sắm mới	708.210.000
Hủy trong năm (i)	(23.312.088.224)
Số dư cuối năm	6.605.360.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	25.712.954.177
Trích khấu hao trong năm	1.950.319.206
Hủy trong năm (i)	(22.589.762.816)
Số dư cuối năm	5.073.510.567
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	3.496.284.047
Tại ngày cuối năm	1.531.849.433

(i) Công ty ghi giảm các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã hết hạn bản quyền và không còn sử dụng theo Quyết định số 212/QĐ-PVI ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.942.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 22.817.112.000 VND).

**11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>1.202.389.487.928</b>	<b>23.232.582.902</b>	-	<b>1.225.622.070.830</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.202.389.487.928	23.232.582.902	-	1.225.622.070.830
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>121.351.581.370</b>	<b>51.908.581.701</b>	-	<b>173.260.163.071</b>
- Khấu hao trong năm (i)	-	34.150.771.377	-	34.150.771.377
- Tăng do nhận lại tài sản góp vốn (i)	-	17.757.810.324	-	17.757.810.324
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.081.037.906.558</b>	<b>(28.675.998.799)</b>	-	<b>1.052.361.907.759</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.081.037.906.558	(28.675.998.799)	-	1.052.361.907.759
<b>b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>418.909.386.238</b>	-	-	<b>418.909.386.238</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
<b>Tồn thất do suy giảm giá trị</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>418.909.386.238</b>	-	-	<b>418.909.386.238</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (i)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238

- (i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của các tòa nhà thuộc sở hữu của Công ty tương ứng với phần diện tích cho thuê, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư tăng trong năm là giá trị tài sản góp vốn nhận lại, Công ty ghi nhận theo nguyên giá do đơn vị nhận góp vốn thay đổi hình thức góp vốn.

- (ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.555.632.998</b>	<b>5.452.907.028</b>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	8.555.632.998	5.452.907.028
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.685.698.038</b>	<b>3.430.583.524</b>
- Chi phí trả trước dài hạn	4.685.698.038	3.430.583.524
	<b>13.241.331.036</b>	<b>8.883.490.552</b>

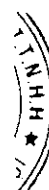
**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		11.890.057.787	11.890.057.787	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.928.297.351	11.257.020.162	10.300.756.044	3.884.661.469
Thuế, phí phải nộp khác	1.268.973.553	8.058.685.049	8.610.607.710	717.050.902
<b>Cộng</b>	<b>4.197.370.914</b>	<b>31.205.762.998</b>	<b>30.801.421.541</b>	<b>4.601.712.371</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>74.545.427.213</b>	<b>1.435.558.265</b>
- Phải trả Công ty Cổ phần T.D	73.948.409.819	-
- Kinh phí công đoàn	480.455.095	451.346.093
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	116.562.299	984.212.172
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24.787.534.647</b>	<b>33.919.568.085</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	24.787.534.647	33.919.568.085

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.



11/2/ 0 10/

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(212.883.100.975)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>728.614.103.158</b>	<b>6.360.424.006.978</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	475.363.219.289	475.363.219.289						475.363.219.289
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(48.569.224.537)	(48.569.224.537)						(48.569.224.537)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)						(444.974.494.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(212.883.100.975)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>710.433.603.910</b>	<b>6.342.243.507.730</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	510.208.610.508	510.208.610.508						510.208.610.508
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(54.556.376.310)	(54.556.376.310)						(54.556.376.310)
Bên đóng cổ phiếu quỹ	-	185.217.991.180	155.926.703.050	-	-	341.144.694.230						341.144.694.230
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(647.105.051.600)	(647.105.051.600)						(647.105.051.600)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.508.280.505.200</b>	<b>(56.956.397.925)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>518.980.786.508</b>	<b>6.491.935.384.558</b>						

(i) Trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ 28% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 09/NQ-PVI ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt trong quý III năm 2018 cho cổ đông.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức đã chia	(647.105.051.600)	(444.974.494.000)

**Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>3.132.900</b>	<b>11.754.600</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.132.900	11.754.600
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>231.108.967</b>	<b>222.487.267</b>
Cổ phiếu phổ thông	231.108.967	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	12.806,47	12.186,79
+ Euro	EUR	320,70	181,00
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	274.953.079.659	274.953.079.659

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**a) Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	187.568.454.308	159.077.789.258
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	49.924.298.150	26.456.374.109
	<b>237.492.752.458</b>	<b>185.534.163.367</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	55.577.134.962	30.647.258.077
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	5.257.720.267	6.408.153.108
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	2.410.300.072	1.592.234.436

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	124.095.285.225	119.481.127.690
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	46.104.059.034	22.826.007.269
	<b>170.199.344.259</b>	<b>142.307.134.959</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	28.889.089.269	31.253.701.160
Chi phí văn phòng	5.274.574.817	4.093.931.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.827.433.868	13.308.171.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.609.702.989	25.632.553.394
Chi phí khác bằng tiền	48.052.044.710	51.241.469.130
	<b>121.652.845.653</b>	<b>125.529.827.441</b>

010  
C  
RÁCH  
DE  
VI  
NG

1  
3  
H  
I  
111



20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	28.889.089.269	31.253.701.160
Chi phí văn phòng	5.274.574.817	4.093.931.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.466.944.441	64.338.232.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.575.772.884	73.619.154.940
Chi phí khác bằng tiền	110.645.808.501	94.531.941.605
	<b>291.852.189.912</b>	<b>267.836.962.400</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.751.796.732	88.673.352.265
Cổ tức, lợi nhuận được chia	475.874.801.388	447.220.249.015
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	34.549.078.765
	<b>581.626.598.120</b>	<b>570.442.680.045</b>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	25.054.516	57.048.992
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	2.653.500.000	2.174.999.998
Chi phí tài chính khác	3.421.430.679	4.254.124.268
	<b>6.099.985.195</b>	<b>6.486.173.258</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>521.465.630.670</b>	<b>486.933.897.076</b>
Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	(8.497.488.584)
<b>Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>521.465.630.670</b>	<b>478.436.408.492</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(465.886.953.993)	(430.410.711.620)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(465.886.953.993)	(430.410.711.620)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	537.146.956	868.303.772
- Thù lao Hội đồng Quản trị	221.523.810	495.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	160.065.210	98.876.847
- Chi phí khác không được khấu trừ	155.557.936	274.426.925
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>56.115.823.633</b>	<b>48.894.000.644</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>8.497.488.584</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.223.164.727</b>	<b>11.478.297.846</b>
Thuế nộp bổ sung	46.200.696	92.379.941
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán	(12.345.261)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.257.020.162</b>	<b>11.570.677.787</b>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.728.159.743	11.728.159.243	23.873.054.713	23.873.054.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	205.414.255.146	205.414.255.146	210.178.071.033	210.178.071.033
Đầu tư tài chính	1.535.493.865.744	1.535.493.865.744	1.323.147.365.744	1.323.147.365.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.752.636.280.133</b>	<b>1.752.636.280.133</b>	<b>1.557.198.491.490</b>	<b>1.557.198.491.490</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	99.543.211.657	99.543.211.657	35.246.428.498	35.246.428.498
Chi phí phải trả	10.659.335.833	10.659.335.833	8.562.018.070	8.562.018.070
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.202.547.490</b>	<b>110.202.547.490</b>	<b>43.808.446.568</b>	<b>43.808.446.568</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

10. /  
TY  
QU  
TE  
AM  
P. 11

/ /  
/ /  
/ /

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 8.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.728.159.243	-	11.728.159.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	204.548.734.746	865.520.400	205.414.255.146
Đầu tư tài chính	1.529.882.365.744	5.611.500.000	1.535.493.865.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.746.159.259.733</b>	<b>6.477.020.400</b>	<b>1.752.636.280.133</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	74.755.677.010	24.787.534.647	99.543.211.657
Chi phí phải trả	10.659.335.833	-	10.659.335.833
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.415.012.843</b>	<b>24.787.534.647</b>	<b>110.202.547.490</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.660.744.246.890</b>	<b>(18.310.514.247)</b>	<b>1.642.433.732.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.873.054.713		23.873.054.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	209.868.592.233	309.478.800	210.178.071.033
Đầu tư tài chính	684.882.365.744	638.265.000.000	1.323.147.365.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>918.624.012.690</b>	<b>638.574.478.800</b>	<b>1.557.198.491.490</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	1.326.860.413	33.919.568.085	35.246.428.498
Chi phí phải trả	8.562.018.070	-	8.562.018.070
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.888.878.483</b>	<b>33.919.568.085</b>	<b>43.808.446.568</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>908.735.134.207</b>	<b>604.654.910.715</b>	<b>1.513.390.044.922</b>

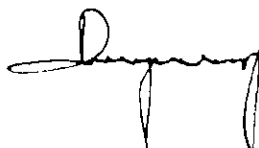
Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

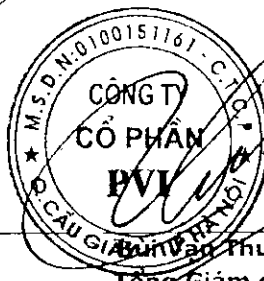
Nghiệp vụ và sơ dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



**Lâm Thị Lan Phương**  
**Người lập biểu**



**Trần Duy Cường**  
**Kế toán trưởng**



**Trần Văn Thuận**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Deloitte**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*



**HOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 45

11/11/2011

11/11/2011

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Thuận	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Clemens Jungsthöfel	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

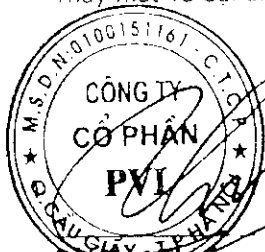
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

112  
INC  
HIỆP  
01  
T 1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2019, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

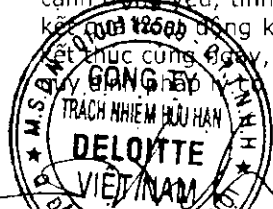
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Thị Lan Anh

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Hồng Dương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2393-2015-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.631.483.327.087</b>	<b>15.003.444.799.020</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>326.396.548.440</b>	<b>1.216.417.580.580</b>
1. Tiền	111		320.396.548.440	556.917.580.580
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	659.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>8.373.281.758.955</b>	<b>6.016.310.353.419</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		715.728.527.121	525.024.783.392
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(36.710.768.166)	(24.977.929.973)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.694.264.000.000	5.516.263.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.671.478.706.546</b>	<b>7.525.519.567.418</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.670.723.897.571	7.330.440.985.003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.579.052.324	227.470.886.145
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	245.164.547.463	272.710.904.300
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(283.988.790.812)	(305.102.308.030)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.960.692.037</b>	<b>3.786.156.286</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.960.692.037	3.786.156.286
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>257.365.621.109</b>	<b>241.411.141.317</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	171.290.793.353	165.739.863.446
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.807.120.262	74.969.029.456
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	6.267.707.494	702.248.415
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.016.530.979.369</b>	<b>4.623.093.862.262</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>26.860.346.615</b>	<b>23.708.372.774</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	26.860.346.615	23.708.372.774
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.478.857.094</b>	<b>275.912.455.257</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	189.125.335.123	194.371.613.083
Nguyên giá	222		375.757.109.748	366.840.937.272
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(186.631.774.625)	(172.469.324.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	76.353.521.971	81.540.842.174
Nguyên giá	228		158.118.983.094	186.536.943.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.765.461.123)	(104.996.100.926)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>1.471.271.293.997</b>	<b>1.499.947.292.796</b>
Nguyên giá	231		1.644.531.457.068	1.621.298.874.166
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(173.260.163.071)	(121.351.581.370)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.037.771.748.398</b>	<b>1.745.402.453.721</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	1.036.250.697.340	1.743.232.144.194
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.521.051.058	2.170.309.527
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>191.175.282.393</b>	<b>1.051.391.510.701</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		171.465.269.224	184.957.401.979
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(88.042.986.831)	(113.565.891.278)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		107.753.000.000	980.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.973.450.872</b>	<b>26.731.777.013</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.973.450.872	26.731.777.013
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>19.648.014.306.456</b>	<b>19.626.538.661.282</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

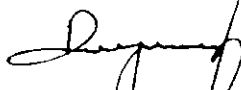
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

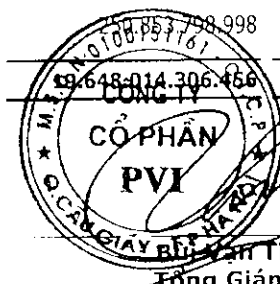
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.613.203.883.943</b>	<b>12.794.381.427.080</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.551.502.522.158</b>	<b>12.431.132.370.754</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.054.007.751.007	1.924.848.925.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.356.858.410.992	1.486.719.983.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	86.138.813.602	114.113.063.449
4. Phải trả người lao động	314		197.510.742.344	195.380.975.836
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		123.021.864.719	25.154.514.907
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.046.140.824	54.796.841.375
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	172.281.601.398	66.475.246.240
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	16.864.330.571	230.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	8.426.549.032.450	8.273.213.588.922
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		86.223.834.251	60.429.231.384
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.701.361.785</b>	<b>363.249.056.326</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		35.323.668.633	81.551.050.984
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	24.387.970.764	33.522.004.202
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	246.109.953.752
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	1.989.722.388	2.066.047.388
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.034.810.422.513</b>	<b>6.832.157.234.202</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>7.034.810.422.513</b>	<b>6.832.157.234.202</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.508.280.505.200	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(56.956.397.925)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		178.296.688.848	153.291.564.618
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		632.705.336.617	812.533.997.212
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		105.588.060.504	334.944.631.209
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		527.117.276.113	477.589.366.003
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		198.998	234.521.768.552
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>19.648.014.306.456</b>	<b>19.626.538.661.282</b>

  
Hoàng Huy Hiệp  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

  
Trần Duy Cường  
Kế toán trưởng



  
Trần Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	9.590.414.185.106	8.318.283.688.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.905.610.438.414	3.529.127.962.279
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.684.803.746.692	4.789.155.726.544
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	4.917.921.453.491	4.209.631.182.549
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		766.882.293.201	579.524.543.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	740.008.489.208	698.841.658.617
7. Chi phí tài chính	22	29	266.989.303.632	109.358.777.471
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.544.921.852	11.488.387.888
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	503.535.782.605	490.718.219.285
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		736.366.196.172	678.289.205.856
10. Thu nhập khác	31		9.921.476.973	12.096.755.402
11. Chi phí khác	32		978.640.577	6.914.663.038
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.942.836.396	5.182.092.364
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		745.309.032.568	683.471.298.220
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	157.206.296.505	125.049.293.197
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	18.835.190.766
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		588.102.736.063	539.586.814.257
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		550.551.235.107	499.855.689.322
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.551.500.956	39.731.124.935
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.213	2.067

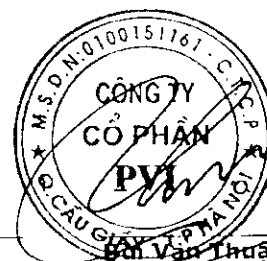


**Hoàng Huy Hiệp**  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 01 năm 2019



**Trần Duy Cường**  
Kế toán trưởng



**Bùi Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>745.309.032.568</b>	<b>683.471.298.220</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	100.863.466.886	106.539.566.923
Các khoản dự phòng	03	(131.480.309.336)	44.483.174.207
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(8.765.979.855)	(5.050.041.803)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(520.807.332.345)	(471.043.671.215)
Chi phí lãi vay	06	2.544.921.852	11.488.387.888
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>187.663.799.770</b>	<b>369.888.714.220</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.019.621.074.248	578.001.965.838
Thay đổi hàng tồn kho	10	825.464.249	4.432.082.529
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(491.326.754.904)	1.258.072.632.103
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.792.603.766)	3.610.686.154
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(190.703.743.729)	(297.511.203.145)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.544.921.852)	(6.790.611.111)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(162.783.452.892)	(161.728.708.445)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.337.266.823	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(21.395.085.530)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>373.296.127.947</b>	<b>1.726.580.472.613</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(61.031.679.737)	(1.331.980.491.714)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.983.632.023	343.455.698.697
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.346.814.000.000)	(7.587.763.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.422.359.672.614	7.024.224.112.648
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	501.748.382.506	325.310.898.844
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(481.753.992.594)</b>	<b>(1.226.753.281.525)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

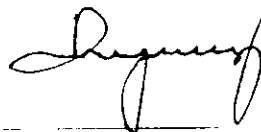
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị: VND

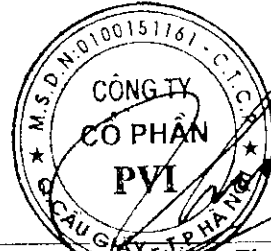
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	341.144.694.230	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	16.864.330.571	1.427.109.953.752
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(476.109.953.752)	(951.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(681.475.467.120)	(477.007.461.460)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(799.576.396.071)</b>	<b>(897.507.708)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(908.034.260.718)	498.929.683.380
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.216.417.580.580	706.885.123.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.013.228.578	10.602.773.642
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	326.396.548.440	1.216.417.580.580



Hoàng Huy Hiệp  
Người lập biểu



Trần Duy Cường  
Kế toán trưởng



Huy Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy,  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.532 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.436 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính; và
- Kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) (i)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Các quỹ này đều được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, với thời gian hoạt động là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát, Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF") (gọi chung là các "công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## Các khoản đầu tư tài chính

### *a. Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại lô đất A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

500  
T  
H  
TT  
AA  
P

500  
T  
H  
TT  
AA  
P

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính") và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chính sách kế toán đối với các khoản chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần "chi phí".

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **Các quỹ tại doanh nghiệp**

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

## **Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

### **Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

a) *Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ*

Dự phòng phí chưa được hưởng:

*Áp dụng tại Tổng Công ty Bảo hiểm PVI:*

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

*Áp dụng tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI:*

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, đối với các hợp đồng nhận và nhượng tái bảo hiểm có kỳ hạn trên 01 năm, Tổng Công ty đã áp dụng mức trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm; đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm trong năm.

*Dự phòng bồi thường:*

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

- Đối với các tổn thất đã phát sinh chưa được thông báo từ khách hàng (IBNR):

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ.
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) thực hiện trích lập theo tỷ lệ 5% phí bảo hiểm giữ lại.

*Dự phòng dao động lớn:* Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo tài chính hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

*b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe*

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chi bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/24 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí 1/24.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở tổng kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối kì hoạt động chưa được giải quyết.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ tổng kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Được trình lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ và được phản ánh vào khoản mục "dự phòng dao động lớn".

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo tài chính hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").



***Ghi nhận doanh thu***

*Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của năm đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo năm, các năm tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận hợp đồng.

*Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm*

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

***Chi phí***

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm".

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

***Quỹ dự trữ bắt buộc***

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.672.631.434	2.126.820.007
Tiền gửi thanh toán	308.358.352.151	549.812.527.337
Tiền đang chuyển	9.365.564.855	4.978.233.236
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	659.500.000.000
	<u>326.396.548.440</u>	<u>1.216.417.580.580</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	715.728.527.121	680.327.835.343	525.024.783.392	528.244.917.543
- Tổng giá trị cổ phiếu, trái phiếu	715.728.527.121	680.327.835.343	525.024.783.392	528.244.917.543
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.802.017.000.000	7.802.017.000.000	6.496.263.500.000	6.496.263.500.000
<i>b1) Ngắn hạn</i>	7.694.264.000.000	7.694.264.000.000	5.516.263.500.000	5.516.263.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng (i)	7.694.264.000.000	7.694.264.000.000	5.516.263.500.000	5.516.263.500.000
<i>b2) Dài hạn</i>	107.753.000.000	107.753.000.000	980.000.000.000	980.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	7.750.000.000	7.750.000.000	880.000.000.000	880.000.000.000
- Trái phiếu	100.003.000.000	100.003.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>171.465.269.224</b>	<b>91.584.664.173</b>	<b>184.957.401.979</b>	<b>78.271.127.707</b>
- Đầu tư vào đơn vị khác (i)	171.465.269.224	91.584.664.173	184.957.401.979	78.271.127.707
				(113.565.891.278)
				(113.565.891.278)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(ii) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

||A|| ||T|| ||HÉ|| ||011||

\\HN < / / /

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:**

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		số hữu	biểu quyết năm giữ	
		%	%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tài bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Hà Nội	23,08	100	Quỹ đầu tư

**Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"):**

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF và PIF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

Tổng số vốn của PIF tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 520.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	120.000.000.000	23,08
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	296.000.000.000	56,92
Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	104.000.000.000	20,00
	<b>520.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:**

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	474.772.944.292	668.742.880.364
Phải thu về hoạt động nhân tài bảo hiểm	127.151.329.887	145.692.015.116
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	793.204.919.920	638.560.521.895
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (i)	5.876.080.680.245	5.626.244.835.853
Phải thu về hoạt động tài chính	346.767.020.968	233.940.874.201
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	52.747.002.259	17.258.957.574
	<b><u>7.670.723.897.571</u></b>	<b><u>7.330.440.085.003</u></b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	207.795.669.966	85.426.754.158

- (i) Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm phản ánh giá trị của tài sản tái bảo hiểm bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>245.164.547.463</b>	<b>272.710.904.300</b>
- Tạm ứng cho người lao động	13.397.747.594	20.844.971.418
- Ký cược, ký quỹ	2.571.513.700	1.564.854.321
- Phải thu khác (i)	229.195.286.169	250.301.078.561
<b>b) Dài hạn</b>	<b>26.860.346.615</b>	<b>23.708.372.774</b>
- Ký cược, ký quỹ	26.860.346.615	23.708.372.774

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại sang phải thu khác.

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	527.047.019.576	(283.988.790.812)	243.058.228.766	413.620.612.379	(305.102.308.350)	108.518.304.029

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm, theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Một số khoản phải thu đã trích lập dự phòng có khả năng thu hồi thấp do đối tác của Công ty gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	143.322.825.327	65.544.068.311	149.971.864.440	8.002.079.194	366.840.937.272
Tăng trong năm	6.721.334.545	-	32.918.640.252	126.976.590	39.766.951.387
- Mua sắm mới	6.721.334.545	-	32.918.640.252	126.976.590	39.766.951.387
Thanh lý trong năm	-	(6.617.847.275)	(687.669.773)	-	(7.305.517.048)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(23.122.366.902)	-	-	-	(23.122.366.902)
Tăng/(Giảm) khác	-	162.956.321	(585.851.282)	-	(422.894.961)
Số dư cuối năm	126.921.892.970	59.089.177.357	181.616.983.637	8.129.055.784	375.757.129.748
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	35.396.031.572	47.211.609.977	88.261.266.701	1.600.415.839	172.469.324.189
Trích khấu hao trong năm	6.613.839.280	6.197.781.095	24.768.770.147	1.611.276.527	39.391.667.049
Thanh lý trong năm	-	(6.469.201.084)	(619.773.104)	-	(7.088.974.188)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(17.717.347.464)	-	-	-	(17.717.347.464)
Tăng/(Giảm) khác	-	121.728.861	(544.623.842)	-	(422.894.961)
Số dư cuối năm	24.492.523.488	47.061.918.869	111.865.639.902	3.211.692.366	186.631.774.625
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	107.926.893.655	18.332.458.334	61.710.597.739	6.401.663.355	194.371.613.083
Tại ngày cuối năm	102.429.369.482	12.027.258.488	69.751.343.735	4.917.363.418	189.125.335.123

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 95.565.786.766 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 62.557.993.718 VND).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	43.040.564.893	143.496.378.207	186.536.943.100
Tăng trong năm	-	22.954.713.600	22.954.713.600
- Mua sắm mới	-	22.954.713.600	22.954.713.600
Hủy trong năm (i)	-	(51.262.457.606)	(51.262.457.606)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(110.216.000)	-	(110.216.000)
Số dư cuối năm	42.930.348.893	115.188.634.201	158.118.983.094
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	960.061.449	104.036.039.477	104.996.100.926
Trích khấu hao trong năm	159.889.128	27.161.139.332	27.321.028.460
Tăng khác	-	28.926.795	28.926.795
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(40.462.860)	-	(40.462.860)
Hủy trong năm (i)	-	(50.540.132.198)	(50.540.132.198)
Số dư cuối năm	1.079.487.717	80.685.973.406	81.765.461.123
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>42.080.503.444</b>	<b>39.460.338.730</b>	<b>81.540.842.174</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>41.850.861.176</b>	<b>34.502.660.795</b>	<b>76.353.521.971</b>

(i) Công ty thực hiện hủy một số phần mềm đã hết hạn bản quyền và không sử dụng tại ngày 31/12/2018.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 41.173.100.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 54.821.581.382 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>1.202.389.487.928</b>	<b>23.232.582.902</b>	-	<b>1.225.622.070.830</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.202.389.487.928	23.232.582.902	-	1.225.622.070.830
- Phân loại lại từ Tài sản cố định hữu hình, vô hình	-	23.232.582.902	-	23.232.582.902
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>121.351.581.370</b>	<b>51.908.581.701</b>	-	<b>173.260.163.071</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất (i)	121.351.581.370	51.908.581.701	-	173.260.163.071
- Khấu hao trong năm	-	34.150.771.377	-	34.150.771.377
- Phân loại lại từ Tài sản cố định hữu hình, vô hình	-	17.757.810.324	-	17.757.810.324
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.081.037.906.558</b>	<b>(28.675.998.799)</b>	-	<b>1.052.361.907.759</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.081.037.906.558	(28.675.998.799)	-	1.052.361.907.759
<b>b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>418.909.386.238</b>	-	-	<b>418.909.386.238</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>418.909.386.238</b>	-	-	<b>418.909.386.238</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của các tòa nhà thuộc sở hữu của PVI tương ứng với phần diện tích cho thuê, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

100  
CC  
ACH  
DE  
VII  
WG

100  
C  
100

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>171.290.793.353</b>	<b>165.739.863.446</b>
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	150.038.471.431	149.307.472.297
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.252.321.922	16.432.391.149
<b>b) Dài hạn</b>	<b>23.973.450.872</b>	<b>26.731.777.013</b>
- Chi phí trả trước dài hạn khác	23.973.450.872	26.731.777.013
	<b>195.264.244.225</b>	<b>192.471.640.459</b>

**13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Quyền sử dụng đất	538.444.673.774	996.447.907.883
Cơ sở hạ tầng	354.557.047.764	656.144.717.709
Chi phí xây dựng	93.923.438.534	23.133.839.324
Chi phí tư vấn, thẩm định	5.811.169.772	5.720.272.726
Chi phí lãi vay	19.935.032.083	41.536.082.708
Chi phí quản lý dự án	23.579.335.413	20.249.323.844
	<b>1.036.250.697.340</b>	<b>1.743.232.144.194</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại lô đất A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**a) Các khoản phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	397.095.700.002	318.986.332.376
Phải trả về hoạt động nhân tái bảo hiểm	247.613.996.414	232.161.218.080
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.207.209.794.000	1.295.543.542.569
Các khoản phải trả khác của khách hàng	202.088.260.591	78.157.832.595
	<b>2.054.007.751.007</b>	<b>1.924.848.925.620</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.525.371.241	38.803.040.617

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán tại ngày kết thúc năm tài chính.

112  
 ING  
 NH  
 LO  
 T  
 PA.  
 36  
 0  
 0  
 P  
 11/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về hoạt động bảo hiểm	441.659.956.034	350.742.672.201
Người mua trả tiền trước về hoạt động bất động sản	915.198.454.958	1.135.977.310.820
	<b>1.356.858.410.992</b>	<b>1.486.719.983.021</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải trả</u>			<u>Phải thu</u>	<u>Phải trả</u>
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	64.860.814.607	429.375.292.812	457.611.604.370	-	36.644.503.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	696.248.415	37.566.279.279	157.206.296.505	162.783.452.892	6.267.707.494	37.558.561.671
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.769.994.985	46.451.037.305	45.400.413.813	-	10.823.518.477
Thuế, phí, phạt nộp khác	4.000.000	1.896.074.578	6.272.944.539	7.049.809.012	-	1.115.210.105
	<b>702.248.415</b>	<b>114.113.063.449</b>	<b>639.305.571.161</b>	<b>672.845.280.087</b>	<b>6.267.707.494</b>	<b>86.138.813.602</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>172.281.601.398</b>	<b>66.475.246.240</b>
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	172.281.601.398	66.475.246.240
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24.387.970.764</b>	<b>33.522.004.202</b>
- Phải trả dài hạn khác	24.387.970.764	33.522.004.202

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng phí chưa được hưởng	3.376.011.190.132	3.102.955.875.937
- Dự phòng bồi thường	4.842.696.602.790	5.010.668.996.275
- Dự phòng dao động lớn	207.841.239.528	159.588.716.710
	<b>8.426.549.032.450</b>	<b>8.273.213.588.922</b>

**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng phải trả dài hạn khác	1.989.722.388	2.066.047.388
	<b>1.989.722.388</b>	<b>2.066.047.388</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**a, Vay ngắn hạn**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	230.000.000.000	230.000.000.000	-	230.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đại An (ii)	-	-	16.864.330.571	-	16.864.330.571	16.864.330.571
<b>Cộng</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>16.864.330.571</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>16.864.330.571</b>	<b>16.864.330.571</b>

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") (theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ký ngày 08 tháng 3 năm 2017. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 230 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) tại các tổ chức tín dụng. Trong năm, Công ty đã tất toán toàn bộ khoản vay.

(ii) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An theo hai hợp đồng tín dụng từng lần ký ngày 25 tháng 12 năm 2018 và ngày 28 tháng 12 năm 2018 với số tiền vay lần lượt là 10.000.000.000 đồng và 6.864.330.571 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của bên vay tại các tổ chức tín dụng.

**b, Vay dài hạn**

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (i)	246.109.953.752	246.109.953.752	-	246.109.953.752	-
<b>Cộng</b>	<b>246.109.953.752</b>	<b>246.109.953.752</b>	<b>-</b>	<b>246.109.953.752</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

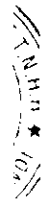
**Trong đó:**

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- (i) Thể hiện khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 11 tháng 4 năm 2017 với hạn mức 1.230.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay là tài trợ vốn đầu tư xây dựng Dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây. Gốc khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 27 tháng 3 năm 2017 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 2,0% và được trả hằng quý. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh trong tương lai của Dự án. Trong năm, Công ty đã tất toán toàn bộ khoản vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(212.883.100.975)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>130.673.311.056</b>	<b>829.318.903.385</b>	<b>229.639.807.227</b>	<b>6.821.441.925.488</b>	
Lợi nhuận trong năm						539.586.814.257		539.586.814.257	
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát						(39.731.124.935)	39.731.124.935		
Trích quỹ dự trữ bắt buộc					22.266.323.319	(22.266.323.319)			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(51.609.663.359)	(1.177.927.888)	(52.787.591.247)	
Trích quỹ khác					351.930.243	(351.930.243)			
Chia cổ tức						(444.974.494.000)	(33.815.530.000)	(478.789.994.000)	
Tặng khác						2.561.815.426	144.264.275	2.706.079.704	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(212.883.100.975)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>153.291.564.618</b>	<b>812.533.997.212</b>	<b>234.521.768.552</b>	<b>6.832.157.234.202</b>	
<b>Vốn góp</b>									
Lợi nhuận trong năm						588.122.736.093		588.122.736.093	
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát						(37.551.509.956)	37.551.509.956		
Trích quỹ dự trữ bắt buộc					23.433.958.994	(23.433.958.994)			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( )						(58.368.131.737)	(1.589.473.775)	(59.957.605.572)	
Trích quỹ khác					1.571.165.236	(1.571.165.236)			
Chia cổ tức ( )						(647.195.051.633)	(35.762.000.000)	(682.957.051.633)	
Biên động cổ phiếu quỹ		185.217.991.180	155.926.703.030					341.144.694.230	
Tặng khác						98.411.925	253.352	98.665.277	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.508.280.505.200</b>	<b>(56.956.397.925)</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>178.296.688.848</b>	<b>632.705.336.617</b>	<b>250.853.798.998</b>	<b>7.034.810.423.513</b>	

(i) Trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 19 tháng 4 năm 2018.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 19 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ 28% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 09/NQ-PVI ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt cho cổ đông trong Quý 3 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(647.105.051.600)	(444.974.494.000)

**Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>3.132.900</b>	<b>11.754.600</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.132.900	11.754.600
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>231.108.967</b>	<b>222.487.267</b>
Cổ phiếu phổ thông	231.108.967	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Đơn vị</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.460.683.862.429	1.199.358.360.244
2. Phải thu đòi nợ thứ ba	VND	25.992.256.825	25.073.783.052
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	323.878.092.100	290.394.118.822
4. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	2.670.959	9.027.312
+ Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	174.086	1.830.555
+ Yên Nhật	JPY	1.162.117	4.494.225
+ Bảng Anh	GBP	7.637	-

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư, hợp tác đầu tư và kinh doanh bất động sản;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm.

110P  
CỔ  
ACB  
DE  
VIỆ  
NG

110P  
CỔ  
ACB  
DE  
VIỆ  
NG



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.060.337.699.585	8.961.876.420.019	17.029.080.288.727	(7.403.280.101.875)	19.648.014.306.456
Nợ phải trả bộ phận	9.781.523.799.926	3.423.656.798.083	1.624.337.146.236	(2.216.313.860.302)	12.613.203.883.943

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	2.887.018.736.324	1.454.028.728.974	2.852.549.480.785	(758.863.233.210)	6.434.733.712.873
Bảo hiểm	2.887.018.736.324	1.454.028.728.974	-	(39.483.145.282)	4.301.564.320.016
Đầu tư	-	-	2.852.549.480.785	(719.380.087.928)	2.133.169.392.857
Chi phí theo bộ phận	2.870.907.529.659	1.292.258.438.768	1.563.968.966.152	(37.710.254.274)	5.689.424.680.305
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	16.111.206.665	161.770.290.206	1.288.580.514.633	(721.152.978.936)	745.309.032.568

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phí nhận thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.493.570.004.412	8.532.838.749.296	16.906.849.896.755	(7.306.719.989.181)	19.626.538.661.282
Nợ phải trả bộ phận	8.362.686.946.192	4.530.583.927.982	1.837.717.606.758	(1.936.607.053.852)	12.794.381.427.080

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phí nhận thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.267.139.850.887	1.510.900.309.855	1.518.928.143.026	(796.874.163.205)	5.500.094.140.563
Bảo hiểm	3.267.139.850.887	1.510.900.309.855	-	(135.951.001.350)	4.642.089.159.392
Đầu tư	-	-	1.518.928.143.026	(660.923.161.855)	858.004.981.171
Chi phí theo bộ phận	3.211.228.312.401	1.323.955.272.974	556.358.909.967	(274.919.652.999)	4.816.622.842.343
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	55.911.538.486	186.945.036.881	962.569.233.059	(521.954.510.206)	683.471.298.220

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**a) Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	6.871.765.695.516	6.688.367.477.907
Thu phí nhân tài bảo hiểm	592.498.825.968	674.910.185.135
Thu hoa hồng nhượng tài bảo hiểm	723.162.455.318	784.830.513.004
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19.747.781.628	23.108.945.625
Doanh thu kinh doanh phí bảo hiểm	1.383.239.426.676	147.066.567.152
	<b><u>9.590.414.185.106</u></b>	<b><u>8.318.283.688.823</u></b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.371.995.696.604	1.116.274.900.743

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phí nhượng tài bảo hiểm	3.664.111.813.011	3.516.909.178.042
Tăng dự phòng phí	241.498.625.403	12.218.784.237
	<b><u>3.905.610.438.414</u></b>	<b><u>3.529.127.962.279</u></b>

500  
T  
H  
TT  
VAN  
TP

33  
Ô  
Y

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	3.829.283.986.264	2.679.624.340.148
Chi bồi thường nhân tái bảo hiểm	425.088.426.622	429.029.289.742
Các khoản giảm trừ:	(2.718.174.332.982)	(1.278.690.433.533)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(2.703.564.901.856)	(1.255.845.629.745)
- Thu đối người thứ ba bồi hoàn	(6.873.766.547)	(11.048.612.175)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(7.735.664.579)	(11.796.192.113)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(52.861.781.420)	(91.969.221.179)
Tăng dự phòng bồi thường	41.189.958.753	55.365.007.490
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	101.114.304.238	115.663.764.741
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.154.565.822.373	2.141.312.945.100
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	145.206.035.131	138.701.072.186
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhân tái bảo hiểm	149.850.481.349	259.714.218.677
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	55.937.239.354	48.419.658.366
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.803.572.066.539	1.694.477.995.871
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	1.137.715.069.643	159.295.490.040
	<b><u>4.917.921.453.491</u></b>	<b><u>4.209.631.182.549</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

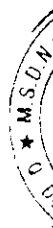
	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	182.197.602.251	186.660.517.545
Chi phí văn phòng	22.838.987.754	21.680.116.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.694.105.088	37.632.065.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	255.804.587.512	244.745.519.397
	<b>503.535.282.605</b>	<b>490.718.219.285</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh bậc hiểm	3.780.206.383.848	4.050.335.692.509
Chi phí nhân viên	214.080.838.645	255.620.806.728
Chi phí văn phòng	22.933.243.799	20.652.055.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	100.863.466.886	106.539.566.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	597.495.686.927	267.201.280.125
	<b>4.715.579.620.105</b>	<b>4.700.349.401.834</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	485.335.294.201	433.921.976.631
Lãi đầu tư trái phiếu	26.051.659.408	
Lãi kinh doanh cổ phiếu	128.726.565.241	151.666.981.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.682.216.368	5.672.295.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	73.648.927.223	45.021.157.947
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.563.826.767	62.559.247.201
	<b>740.008.489.208</b>	<b>698.841.658.617</b>



1/5/1  
3  
1/1  
1/1

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	93.596.512.449	946.168.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.417.573.517	45.996.059.821
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	4.418.007.793	(17.140.043.505)
Chi phí lãi vay	2.544.921.852	11.488.387.888
Chi phí tài chính khác	98.012.288.021	68.068.205.027
	<b>266.989.303.632</b>	<b>109.358.777.471</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>745.309.032.568</b>	<b>674.973.809.636</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ:	4.971.229.334	(164.954.901.883)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.828.824.632	(13.438.036.000)
- Lỗ/(lãi) của Quỹ đầu tư cơ sở: PVI và Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI	(167.857.595.298)	3.518.102.138
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư đã loại kỳ trước	-	(94.175.953.830)
- Điều chỉnh các khoản thu nhập đã kê khai nộp thuế trong các kỳ trước	-	(45.888.055.207)
- Thu nhập không chịu thuế khác	-	(14.970.958.984)
Cộng:	23.023.849.814	18.620.412.045
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	16.225.363.972	2.141.919.847
- Thủ lao Hôi: đồng Quản trị	469.089.028	1.002.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	821.582.627	991.022.908
- Chi phí khác không được khấu trừ	5.507.814.187	5.933.365.537
- Quỹ lương đã trích tính ước không chi hết đến 31/3/2018	-	8.552.103.753
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>(1.157.578.976)</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>772.146.532.740</b>	<b>528.639.319.798</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>8.497.488.584</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>154.429.306.548</b>	<b>107.427.361.676</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	68.307.002	17.621.931.521
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán	2.708.687.955	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>157.206.296.505</b>	<b>125.049.293.197</b>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Đơn vị</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	550.551.235.107	499.855.689.322
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(44.044.098.809)	(39.988.455.146)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>506.507.136.298</b>	<b>459.867.234.176</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	228.906.357	222.487.267
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>2.213</b>	<b>2.067</b>

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	16.864.330.571	476.109.953.752
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	326.396.548.440	1.216.417.580.580
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	7.034.810.422.513	6.832.157.234.202
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

31.1.  
 ÔN  
 NHIE  
 LO  
 ET  
 2A.

11  
 17

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	326.396.548.440	326.396.548.440	1.216.417.580.580	1.216.417.560.550
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.615.930.392.928	7.615.930.392.928	1.649.394.019.681	1.649.394.019.681
Đầu tư tài chính	8.564.457.041.348	8.573.929.499.517	7.067.701.864.120	7.102.779.545.251
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.506.783.982.716</b>	<b>16.516.256.440.885</b>	<b>9.933.513.464.381</b>	<b>9.968.591.145.512</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	2.224.112.658.927	2.224.112.658.927	1.989.147.478.382	1.989.147.478.360
Chi phí phải trả	123.021.864.719	123.021.864.719	25.154.514.907	25.154.514.907
Các khoản vay	16.864.330.571	16.864.330.571	476.109.953.752	476.109.953.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.363.998.854.217</b>	<b>2.363.998.854.217</b>	<b>2.490.411.947.041</b>	<b>2.490.411.947.041</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch thương mại và phi thương mại bằng đồng USD, Euro, Won Hàn Quốc, Ringit Malaysia, Rúp Nga và một số đồng ngoại tệ khác.



Công ty chịu rủi ro đối với biến động về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch thương mại và phi thương mại của các đơn vị trong nội bộ Công ty. Biến động tỷ giá có thể làm mất vốn hoặc giảm kết quả hoạt động kinh doanh. Rủi ro tỷ giá của Công ty được kiểm soát và theo dõi chặt chẽ hàng ngày trên cơ sở các hạn mức giao dịch.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 8.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

06 / T H P AI

3

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	326.396.548.440	-	326.396.548.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.589.070.046.213	26.860.346.615	7.615.930.392.928
Đầu tư tài chính	8.373.281.758.955	191.175.282.393	8.564.457.041.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.288.748.353.708</b>	<b>218.035.629.008</b>	<b>16.506.783.982.716</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.199.724.688.163	24.387.970.764	2.224.112.658.927
Chi phí phải trả	123.021.864.719	-	123.021.864.719
Các khoản vay	16.864.330.571	-	16.864.330.571
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.339.610.883.453</b>	<b>24.387.970.764</b>	<b>2.363.998.854.217</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>13.949.137.470.255</b>	<b>193.647.658.244</b>	<b>14.142.785.128.499</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.216.417.580.580	-	1.216.417.580.580
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.625.685.646.907	23.708.372.774	1.649.394.019.681
Đầu tư tài chính	6.016.310.353.419	1.051.391.510.701	7.067.701.864.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.858.413.580.906</b>	<b>1.075.099.883.475</b>	<b>9.933.513.464.381</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	1.955.625.474.180	33.522.004.202	1.989.147.478.382
Chi phí phải trả	25.154.514.907	-	25.154.514.907
Các khoản vay	230.000.000.000	246.109.953.752	476.109.953.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.210.779.989.087</b>	<b>279.631.957.954</b>	<b>2.490.411.947.041</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.647.633.591.819</b>	<b>795.467.925.521</b>	<b>7.443.101.517.340</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Rủi ro bảo hiểm**

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu  
Cùng chủ sở hữu

*Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 23.*

*Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	7.035.980.285	6.990.285.881

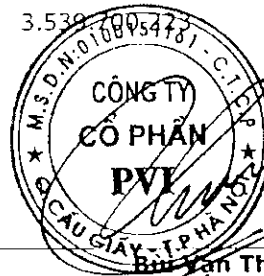
*Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 6 và số 14.*

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	2.561.478.781	2.263.683.182
Ban Tổng Giám đốc	3.530.000.478	4.388.409.500

Hoàng Huy Hiệp  
Người lập biểu

Trần Duy Cường  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2019